

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**



ISO 9001:2015

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN

Sinh viên : Đào Thị Hằng
Giảng viên hướng dẫn: Th.S Đoàn Thị Nga

HẢI PHÒNG - 2019

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

**HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ
VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY
CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI THÀNH AN PHÁT**

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY
NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN**

**Sinh viên : Đào Thị Hằng
Giảng viên hướng dẫn: Th.S Đồng Thị Nga**

HẢI PHÒNG - 2019

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Sinh viên: Đào Thị Hằng

Mã SV: 1412401179

Lớp: QT1803K

Ngành: Kế toán – Kiểm toán

Tên đề tài: Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần dịch vụ vận tải Thành An Phát.

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI

1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp (về lý luận, thực tiễn, các số liệu cần tính toán và các bản vẽ).
 - Hệ thống hóa lý luận chung về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ.
 - Mô tả thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần dịch vụ vận tải Thành An Phát.
 - Đề xuất một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần vận tải Thành An Phát.

2. Các số liệu cần thiết để thiết kế, tính toán.
 - Sử dụng số liệu năm 2017 của Công ty cổ phần dịch vụ vận tải Thành An Phát

3. Địa điểm thực tập tốt nghiệp.
 - Công ty cổ phần dịch vụ vận tải Thành An Phát

CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Người hướng dẫn thứ nhất:

Họ và tên: Đồng Thị Nga

Học hàm, học vị: Thạc sĩ

Cơ quan công tác: Trường Đại học Dân lập Hải Phòng

Nội dung hướng dẫn: Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần dịch vụ Thành An Phát

Người hướng dẫn thứ hai:

Họ và tên:.....

Học hàm, học vị:.....

Cơ quan công tác:.....

Nội dung hướng dẫn:.....

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày tháng năm

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày tháng năm

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN

Sinh viên

Đã giao nhiệm vụ ĐTTN

Người hướng dẫn

Đào Thị Hằng

Th.S Đồng Thị Nga

Hải Phòng, ngày tháng.....năm 2019

Hiệu trưởng

GS.TS.NGƯT *Trần Hữu Nghị*

PHIẾU NHẬN XÉT CỦA GIẢNG VIÊN HƯỚNG DẪN TỐT NGHIỆP

Họ và tên giảng viên: Đồng Thị Nga
Đơn vị công tác: Khoa Quản trị kinh doanh
Họ và tên sinh viên: Đào Thị Hằng Chuyên ngành: Kế toán – Kiểm toán
Đề tài tốt nghiệp: Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần dịch vụ vận tải Thành An Phát.
Nội dung hướng dẫn: Khái quát hóa những vấn đề lý luận cơ bản về tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ; Mô tả thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần dịch vụ vận tải Thành An Phát; Đánh giá những ưu, nhược điểm của công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty, trên cơ sở đó đưa ra những biện pháp hoàn thiện.

1. Tinh thần thái độ của sinh viên trong quá trình làm đề tài tốt nghiệp

- Chăm chỉ học hỏi, chịu khó sưu tầm số liệu, tài liệu phục vụ cho bài viết.
- Nghiêm túc, có ý thức tốt trong quá trình làm đề tài tốt nghiệp.
- Luôn thực hiện tốt mọi yêu cầu được giáo viên hướng dẫn giao.
- Đảm bảo đúng tiến độ của đề tài theo thời gian đã quy định.

2. Đánh giá chất lượng của đồ án/ khóa luận (so với nội dung yêu cầu đã đề ra trong nhiệm vụ Đ.T. T.N trên các mặt lý luận, thực tiễn, tính toán số liệu...)

Kết cấu của khóa luận được tác giả sắp xếp tương đối hợp lý, khoa học bao gồm 3 chương:

Chương 1, tác giả đã hệ thống hóa được những vấn đề lý luận cơ bản về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ.

Chương 2, sau khi giới thiệu khái quát về công ty, tác giả đã mô tả và phân tích thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần dịch vụ vận tải Thành An Phát, có số liệu minh họa cụ thể (năm 2017). Số liệu minh họa từ chứng từ vào các sổ sách kế toán logic và hợp lý.

Chương 3, tác giả đã đánh giá được những ưu, nhược điểm của công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần dịch vụ vận tải Thành An Phát, trên cơ sở đó tác giả đã đưa ra được một số giải pháp nhằm hoàn thiện công

tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty. Các giải pháp đưa ra có tính khả thi và tương đối phù hợp với tình hình thực tế tại công ty.

3. Ý kiến của giảng viên hướng dẫn tốt nghiệp

Được bảo vệ Không được bảo vệ Điểm hướng dẫn

Hải Phòng, ngày 5 tháng 1 năm 2019

Giảng viên hướng dẫn

Đông Thị Nga

MỤC LỤC

LỜI MỞ ĐẦU	1
CHƯƠNG 1: LÝ LUẬN CHUNG VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ	3
1.1 NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ.....	3
1.1.1 Sự cần thiết phải tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ.....	3
1.1.2 Nhiệm vụ của công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ.....	3
1.1.3 Các khái niệm cơ bản về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ	4
<i>1.1.3.1 Doanh thu</i>	4
<i>1.1.3.2 Chi phí</i>	6
<i>1.1.3.3. Xác định kết quả kinh doanh</i>	8
1.2 NỘI DUNG TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ	9
1.2.1 Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ trong doanh nghiệp vừa và nhỏ.	9
1.2.1.1 Chứng từ sử dụng	9
1.2.1.2 Tài khoản sử dụng	9
1.2.1.3 Phương pháp hạch toán	10
1.2.2 Kế toán giá vốn hàng bán	11
<i>1.2.2.1 Chứng từ sử dụng</i>	11
<i>1.2.2.2 Phương pháp hạch toán</i>	12
1.2.3 Kế toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính	16
<i>1.2.3.1. Chứng từ sử dụng</i>	16
<i>1.2.3.2. Tài khoản sử dụng</i>	16
<i>1.2.3.3 Phương pháp hạch toán</i>	17
1.2.4 Kế toán chi phí quản lý kinh doanh	19
1.2.4.1 Chứng từ sử dụng	19

1.2.4.2 Tài khoản sử dụng.....	19
1.2.4.3 Phương pháp hạch toán.....	19
1.2.5 Kế toán thu nhập khác và chi phí khác.....	21
1.2.5.1. Chứng từ sử dụng.....	21
1.2.5.2. Tài khoản sử dụng.....	21
1.2.5.3 Phương pháp hạch toán.....	22
1.2.6 Kế toán xác định kết quả kinh doanh.....	24
1.2.6.1. Chứng từ sử dụng.....	24
1.2.6.2. Tài khoản sử dụng.....	24
1.2.6.3 Phương pháp hạch toán.....	25
1.3 TỔ CHỨC VẬN DỤNG HỆ THỐNG SỔ SÁCH KẾ TOÁN VÀO CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ.....	27
1.3.1. Hình thức kế toán Nhật ký chung.....	27
1.3.2. Hình thức kế toán Nhật ký – Sổ cái.....	28
1.3.3 Hình thức kế toán chứng từ ghi sổ.....	29
1.3.4 Hình thức kế toán trên máy vi tính.....	31
CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI THÀNH AN PHÁT.....	33
2.1 Giới thiệu chung về công ty Cổ phần Dịch Vụ Vận Tải Thành An Phát.....	33
2.1.1 Quá trình hình thành và phát triển của công ty.....	33
2.1.2 Cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý của công ty.....	34
2.1.3 Tổ chức công tác kế toán tại công ty cpdv vận tải Thành An Phát.....	34
2.1.3.1 Tổ chức bộ máy kế toán tại Công ty cpdv Vận Tải Thành An Phát.....	34
2.1.3.2 Tổ chức hệ thống chứng từ, tài khoản, sổ kế toán, các chính sách và phương pháp kế toán áp dụng tại công ty.....	36
2.2. THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CPDV VẬN TẢI THÀNH AN PHÁT.....	38
2.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng tại công ty.....	38
2.2.1.1 Nội dung doanh thu của công ty.....	38
2.2.1.2 Chứng từ sử dụng.....	38
2.2.1.3 Tài khoản sử dụng.....	38
2.2.1.4 Quy trình hạch toán.....	38

2.2.1.5 Ví dụ minh họa.....	40
2.2.2 Kế toán giá vốn hàng bán:	47
2.2.2.1 Nội dung giá vốn hàng bán.....	47
2.2.2.2 Chứng từ sử dụng	47
2.2.2.3 Tài khoản sử dụng	47
2.2.2.4 Quy trình hạch toán	48
2.2.2.5 Ví dụ minh họa.....	48
2.2.3 Kế toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính	54
2.2.3.1 Nội dung doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính.....	54
2.2.3.2 Chứng từ sử dụng	54
2.2.3.3 Tài khoản sử dụng	54
2.2.3.4 Quy trình hạch toán	55
2.2.3.5 Ví dụ minh họa.....	55
2.2.4 Kế toán chi phí quản lý kinh doanh	59
2.2.4.1 Nội dung chi phí quản lý kinh doanh	59
2.2.4.2 Chứng từ sử dụng	59
2.2.4.3 Tài khoản sử dụng	59
2.2.4.4 Quy trình hạch toán.....	59
2.2.4.5 Ví dụ minh họa	60
2.2.5 Kế toán thu nhập khác và chi phí khác	65
2.2.6 Xác định kết quả kinh doanh	65
2.2.6.1 Nội dung của kết quả sản xuất kinh doanh tại công ty CP Dịch Vụ Vận Tải Thành An Phát	65
2.2.6.2 Chứng từ sử dụng	66
2.2.6.3 Tài khoản sử dụng.	66
2.2.6.4 Quy trình hạch toán.....	67
2.2.6.5 Ví dụ minh họa	67
CHƯƠNG 3 MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI.....	76
3.1. ĐÁNH GIÁ CHUNG VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TẠI CÔNG TY CP DỊCH VỤ TẢI THANH AN PHÁT.....	76
3.1.1. Ưu điểm	76

3.1.2. Một số mặt còn hạn chế trong công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty.....	77
3.2 MỘT SỐ ĐỀ XUẤT NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CP DỊCH VỤ VẬN TẢI THÀNH AN PHÁT	78
3.2.1. Tầm quan trọng của việc hoàn thiện những hạn chế trong công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty.....	78
3.2.2. Ý nghĩa của việc hoàn thiện những hạn chế trong công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả hoạt động kinh doanh.....	78
3.2.3. Nguyên tắc và điều kiện tiến hành hoàn thiện những hạn chế trong công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.	79
3.2.4. Một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.	79
3.2.4.1 <i>Hiện đại hóa công tác kế toán</i>	79
3.2.4.2. Hoàn thiện việc lập dự phòng phải thu khó đòi tại Công ty CP Dịch vụ Tải Thành An Phát	86
3.2.4.3. Hoàn thiện công tác luân chuyển chứng từ.	90
3.2.4.4. Một số giải pháp khác.....	90
KẾT LUẬN	92
TÀI LIỆU THAM KHẢO	93

LỜI MỞ ĐẦU

1. Tin cấp thiết của đề tài

Kế toán là một trong những thus tiến quan trọng nhất trong quản lý kinh tế. Mỗi nhà đầu tư hay một cơ sở kinh doanh cần phải dựa vào công tác kế toán để biết tình hình và kết quả kinh doanh.

Hiện nay nước ta đang trong quá trình chuyển đổi kinh tế mạnh mẽ sang nền kinh tế thị trường có sự quản lý của nhà nước. Công tác quản lý kinh tế đang đứng trước yêu cầu và nội dung quản lý có tính chất mới mẻ, đa dạng và không ít phức tạp. Là một công cụ thu thập xử lý và cung cấp thông tin về các hoạt động kinh tế cho nhiều đối tượng khác nhau bên trong cũng như bên ngoài doanh nghiệp nên công tác kế toán cũng trải qua những cải biến sâu sắc, phù hợp với thực trạng nền kinh tế. Việc thực hiện tốt hay không tốt đều ảnh hưởng đến chất lượng và hiệu quả của công tác quản lý.

Công tác kế toán ở công ty có nhiều khâu, nhiều phần hành, giữa chúng có mối liên hệ, gắn bó với nhau tạo thành một hệ thống quản lý có hiệu quả. Mặt khác, tổ chức công tác kế toán khoa học và hợp lý là một trong những cơ sở quan trọng trong việc điều hành, chỉ đạo sản xuất kinh doanh.

Qua quá trình học tập từ những kiến thức chuyên ngành đã học tại trường cùng với sự giúp đỡ của Thạc sỹ Đồng Thị Nga, kết hợp với việc tìm hiểu thực tế tại Công ty cpdv Vận Tải Thành An Phát nên em đã quyết định chọn đề tài nghiên cứu “Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cpdv Vận Tải Thành An Phát” làm đề tài khóa luận của mình.

2. Mục đích nghiên cứu của đề tài

Hệ thống hóa các lý luận cơ bản về hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

Phân tích, đánh giá thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cpdv Vận Tải Thành An Phát nhằm đưa ra những mặt tích cực và hạn chế mặt tiêu cực trong tổ chức kế toán tại công ty.

Đề xuất một số giải pháp hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cpdv Vận Tải Thành An Phát nhằm giúp doanh nghiệp đưa ra những quyết định quản lý, kinh doanh kịp thời, tối ưu và có hiệu quả.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu của đề tài

Đối tượng: Đề tài tập trung nghiên cứu doanh thu và các khoản giảm doanh thu trên cơ sở đó xác định doanh thu thuần, quy trình hạch toán chi phí để xác định kết quả như giá vốn, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, tại đơn vị để tìm ra các giải pháp nhằm hoàn thiện hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cpdv Vận Tải Thành An Phát.

Phạm vi nghiên cứu: Thời gian: Các số liệu và tình hình tổ chức công tác kế toán tại công ty trong thời gian: năm 2017

4. Phương pháp nghiên cứu

Xuất phát từ nguyên lý chung, đề tài vận dụng tổng hợp các phương pháp như: phương pháp phân tích, phương pháp điều tra, phương pháp tổng hợp, thống kê. Ngoài ra, đề tài còn sử dụng một số phương pháp đặc thù như: phương pháp lựa chọn, phương pháp phỏng vấn.

Từ ý nghĩa và vai trò của công tác kế toán, qua việc áp dụng kiến thức đã học và thời gian tìm hiểu tại công ty cpdv Vận Tải Thành An Phát em xin trình bày bài khóa luận của mình.

Ngoài phần mở đầu và kết luận, khóa luận của em gồm ba chương:

• **Chương 1: Lý luận chung về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ.**

• **Chương 2: Thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cpdv Vận Tải Thành An Phát**

• **Chương 3: Một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cpdv Vận Tải Thành An Phát**

Em xin cảm ơn sự giúp đỡ nhiệt tình của ban Giám đốc, các cán bộ và nhân viên phòng kế toán cùng với sự chỉ bảo của cô giáo - ThS. Đồng Thị Nga , em đã nắm bắt được phần nào tình hình thực tế công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cpdv Vận Tải Thành An Phát

Tuy nhiên, do trình độ lý luận và thời gian tiếp cận thực tế còn hạn chế nên bài khóa luận của em không tránh khỏi những thiếu sót. Em rất mong nhận được sự đóng góp ý kiến của các thầy cô giáo, các bạn để bài viết của em được hoàn thiện hơn.

Em xin chân thành cảm ơn!

CHƯƠNG 1:**LÝ LUẬN CHUNG VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ****1.1 NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ.****1.1.1 Sự cần thiết phải tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ.**

Doanh thu của doanh nghiệp có ý nghĩa rất lớn đối với toàn bộ hoạt động của doanh nghiệp. Trước hết, doanh thu là nguồn tài chính quan trọng để đảm bảo trang trải các khoản chi phí hoạt động kinh doanh, đảm bảo cho doanh nghiệp có thể tái sản xuất đơn, cũng như tái sản xuất mở rộng, là nguồn để các doanh nghiệp có thể thực hiện các nghĩa vụ đối với đất nước, tham gia liên doanh, liên kết với các doanh nghiệp trong cũng như ngoài nước...

Đồng thời các doanh nghiệp luôn quan tâm đến việc quản lý chi phí, bởi vì nếu chi phí không hợp lý, không đúng với bản chất của nó, đều gây ra những khó khăn trong quản lý và có thể làm giảm lợi nhuận của doanh nghiệp. Vì vậy, vấn đề quan trọng đặt ra cho các nhà quản lý là phải kiểm soát được chi phí của doanh nghiệp, từ đó đưa ra các quyết định chi tiêu một cách hợp lý cho hiệu quả cao.

Dựa trên doanh thu đạt được và chi phí bỏ ra, doanh nghiệp phản ánh đúng đắn kết quả kinh doanh, có như vậy doanh nghiệp mới biết được tình hình sản xuất kinh doanh trong kỳ của mình và biết được xu hướng phát triển của doanh nghiệp. Mặt khác, việc xác định này còn là cơ sở để tiến hành hoạt động phân phối cho từng bộ phận của doanh nghiệp.

Kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh là cơ sở để đánh giá hiệu quả cuối cùng của quá trình kinh doanh trong một thời kỳ nhất định của doanh nghiệp, xác định nghĩa vụ của doanh nghiệp với nhà nước. Chính vì vậy, tổ chức công tác kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh với doanh nghiệp là việc hết sức cần thiết giúp cho người quản lý nắm bắt được tình hình hoạt động và đẩy mạnh việc kinh doanh có hiệu quả của doanh nghiệp.

1.1.2 Nhiệm vụ của công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ

Để đáp ứng tốt các yêu cầu quản lý về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh kế toán cần thực hiện tốt các nhiệm vụ sau:

- Phản ánh và ghi chép đầy đủ, kịp thời, chính xác các khoản doanh thu, các khoản giảm trừ doanh thu và chi phí cho từng hoạt động trong doanh nghiệp. Đồng thời, theo dõi, đôn đốc, thu hồi các khoản nợ phải thu của khách hàng.

- Phản ánh và tính toán chính xác kết quả hoạt động, giám sát tình hình thực hiện nghĩa vụ đối với nhà nước và tình hình phân phối kết quả của các hoạt động.

- Cung cấp các thông tin kế toán cần thiết phục vụ cho việc lập báo cáo tài chính và định kỳ phân tích hoạt động kinh tế liên quan đến bán hàng và phân phối kết quả kinh doanh.

1.1.3 Các khái niệm cơ bản về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ

1.1.3.1 Doanh thu

- **Khái niệm**

Doanh thu là tổng các lợi ích kinh tế mà doanh nghiệp thu được trong kỳ kế toán phát sinh từ các hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường của doanh nghiệp góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu.

- **Các loại doanh thu**

- ❖ *Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ*

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là toàn bộ số tiền thu được hoặc sẽ thu được từ các giao dịch và các nghiệp vụ kinh tế phát sinh doanh thu như bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ cho khách hàng bao gồm cả các khoản thu, phụ thu bên ngoài giá bán (công vận chuyển, chi phí lắp đặt,...)

Theo chuẩn mực kế toán số 14, doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn 5 điều kiện sau:

- ✓ Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.

- ✓ Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.

- ✓ Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

- ✓ Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.

- ✓ Xác định được chi phí có liên quan đến giao dịch bán hàng.

- Thời điểm ghi nhận doanh thu bán hàng theo các phương thức bán hàng

Tiêu thụ theo phương pháp trực tiếp: Theo phương thức này người bán giao hàng cho người mua tại kho, tại quầy, hoặc tại phân xưởng sản xuất. Khi người mua đã nhận đủ hàng và ký vào hóa đơn thì hàng chính thức được tiêu thụ, người bán có quyền ghi nhận doanh thu.

Tiêu thụ theo phương thức chuyển hàng: Thời điểm ghi nhận doanh thu là khi bên bán đã chuyển hàng tới địa điểm của bên mua và bên bán đã thu được tiền hàng hoặc đã được bên mua chấp nhận thanh toán.

Tiêu thụ theo phương thức trả chậm, trả góp: Theo phương thức này, doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là giá trả một lần ngay từ đầu không bao gồm lãi trả chậm, trả góp.

- Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của quá trình mua bán, cung cấp dịch vụ hàng hóa được xác định một cách đáng tin cậy. kết quả được xác định khi thỏa mãn cả 4 điều kiện sau:

- ✓ Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- ✓ Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- ✓ Xác định được công việc đã hoàn thành vào ngày lập báo cáo tài chính.
- ✓ Xác định được chi phí phát sinh và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

❖ *Các khoản giảm trừ doanh thu*

Chiết khấu thương mại: là số tiền người mua được hưởng do mua hàng với số lượng lớn theo thỏa thuận.

Giảm giá hàng bán: là số tiền giảm trừ cho bên mua trong trường hợp đặc biệt vì lý do hàng kém phẩm chất, sai quy cách hoặc lạc hậu thị hiếu.

Hàng bán bị trả lại: là giá trị của hàng hóa, sản phẩm bị khách hàng trả lại do người bán vi phạm các điều khoản trong hợp đồng.

Thuế GTGT phải nộp: (theo phương pháp trực tiếp) thuế GTGT là một loại thuế gián thu, tính trên phần GTGT của hàng hóa, dịch vụ. Đối với doanh nghiệp tính thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp sẽ được xác định bằng tỷ lệ phần trăm GTGT tính trên doanh thu.

Thuế tiêu thụ đặc biệt: là loại thu gián thu, thu ở một số sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế tiêu thụ đặc biệt.

❖ *Thuế xuất khẩu:* là loại thuế gián thu đánh vào các mặt hàng được phép xuất khẩu.

❖ *Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm các khoản doanh thu tiền gửi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp.

Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời 2 điều kiện sau:

- ✓ Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó
- ✓ Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn
- ❖ *Thu nhập khác*

Thu nhập khác là những khoản thu mà doanh nghiệp không dự tính trước được hoặc là có dự tính đến nhưng ít có khả năng thực hiện, hoặc là những khoản không mang tính chất thường xuyên như: doanh thu về thanh lý, nhượng bán tài sản cố định, giá trị các vật tư, tài sản thừa trong sản xuất; các khoản nợ vãng chủ hoặc nợ không ai đòi, hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho, nợ khó đòi, tiền được bồi thường,

1.1.3.2 Chi phí

- Khái niệm

Chi phí là tổng giá trị các khoản làm giảm lợi ích kinh tế trong kỳ kế toán dưới hình thức các khoản tiền chi ra, các khoản khấu trừ tài sản cố định hoặc phát sinh dưới các khoản nợ dẫn đến làm giảm vốn chủ sở hữu, không bao gồm khoản phân phối cho cổ đông hoặc chủ sở hữu.

- Các loại chi phí

❖ *Giá vốn hàng bán*

Giá vốn hàng bán là giá trị thực tế xuất kho của số sản phẩm, hàng hóa (hoặc gồm cả chi phí mua hàng phân bổ cho hàng hóa đã bán ra trong kỳ đối với doanh nghiệp thương mại), hoặc là giá thành thực tế lao vụ, dịch vụ hoàn thành và đã được xác định là tiêu thụ và các khoản chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh được tính vào giá vốn hàng bán để xác định kết quả kinh doanh trong kỳ.

❖ *Chi phí hoạt động tài chính.*

Chi phí hoạt động tài chính là chi phí phát sinh trong quá trình hoạt động kinh doanh thông thường của doanh nghiệp như: chi phí lãi vay; những chi phí liên quan đến hoạt động cho các bên khác sử dụng tài sản sinh ra lợi tức, tiền bản quyền,....những chi phí này phát sinh dưới dạng tiền và các khoản tương đương tiền.

Nội dung chi phí hoạt động tài chính bao gồm:

- Các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính.
- Chi phí cho vay và đi vay vốn.
- Lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán.
- Chi phí góp vốn liên doanh.
- Khoản nhập và hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán và đầu tư khác.
- Khoản lỗ chênh lệch tỷ giá ngoại tệ và bán ngoại tệ,...

❖ *Chi phí quản lý kinh doanh*

Chi phí quản lý kinh doanh là khoản chi phí chi ra trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp. Chi phí bao gồm chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp:

- *Chi phí bán hàng*

Chi phí bán hàng bao gồm các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hóa (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển, lương nhân viên bộ phận bán hàng (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...), bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động của nhân viên bán hàng; chi phí vật liệu, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho bộ phận bán hàng; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax,...); chi phí bằng tiền khác.

- *Chi phí quản lý doanh nghiệp*

Chi phí quản lý doanh nghiệp bao gồm các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp bao gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...).

❖ *Chi phí khác*

Tài khoản này phản ánh những khoản chi phí phát sinh do các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động thông thường của doanh nghiệp. Chi phí khác có thể bao gồm:

- Chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ (gồm cả chi phí đấu thầu hoạt động thanh lý).
- Giá trị còn lại của TSCĐ bị phá dỡ.
- Giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý, nhượng bán TSCĐ (nếu có).
- Chênh lệch lỗ do đánh giá lại vật tư, hàng hóa, TSCĐ đưa đi góp vốn vào công ty liên doanh, liên kết và đầu tư khác.
- Tiền phạt phải trả do vi phạm hợp đồng kinh tế, phạt vi phạm hành chính.
- Các khoản chi phí khác.

❖ *Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.*

Thuế thu nhập doanh nghiệp là loại thuế trực thu, thu trên kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh cuối cùng của doanh nghiệp.

Hàng quý, kế toán căn cứ vào chứng từ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp để ghi nhận số thuế thu nhập doanh nghiệp tạm phải nộp vào chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp. Cuối năm tài chính, căn cứ vào tờ khai quyết toán thuế:

- Nếu số thuế thu nhập doanh nghiệp tạm phải nộp trong năm nhỏ hơn số phải nộp năm đó, kế toán ghi nhận số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp thêm vào chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.
- Nếu số thuế thu nhập doanh nghiệp tạm phải nộp trong năm lớn hơn số phải nộp năm đó, kế toán phải ghi giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp. Đây là số chênh lệch giữa số thuế TNDN tạm nộp lớn hơn với số phải nộp.

$$\text{Thuế TNDN phải nộp} = \text{Thu nhập chịu thuế} \times \text{Thuế suất thuế TNDN}$$

1.1.3.3. Xác định kết quả kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh là biểu hiện số tiền lãi, lỗ từ các loại hoạt động của doanh nghiệp trong một thời kỳ nhất định.

Kết quả kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm: kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, kết quả hoạt động tài chính, kết quả hoạt động khác.

$$\text{Lợi nhuận trước thuế TNDN} = \text{Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh} + \text{Lợi nhuận từ hoạt động tài chính} + \text{Lợi nhuận từ hoạt động khác}$$

Trong đó:

$$\text{Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh} = \text{Doanh thu thuần} - \text{Giá vốn hàng bán} - \text{Chi phí quản lý kinh doanh}$$

$$\text{Lợi nhuận từ hoạt động tài chính} = \text{Doanh thu hoạt động tài chính} - \text{Chi phí hoạt động tài chính}$$

$$\text{Lợi nhuận từ hoạt động khác} = \text{Thu nhập khác} - \text{Chi phí khác}$$

$$\text{Lợi nhuận sau thuế TNDN} = \text{Lợi nhuận trước thuế TNDN} - \text{Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành}$$

1.2 NỘI DUNG TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ

1.2.1 Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ trong doanh nghiệp vừa và nhỏ.

1.2.1.1 Chứng từ sử dụng

- Hóa đơn bán hàng thông thường, hóa đơn GTGT.
- Bảng thanh toán hàng đại lý, ký gửi.
- Các chứng từ thanh toán: phiếu thu, séc chuyển khoản, séc thanh toán, ủy nhiệm thu, giấy báo có của ngân hàng,...
- Các chứng từ khác có liên quan: phiếu xuất cho bán hàng, phiếu nhập kho hàng bán bị trả lại, hóa đơn vận chuyển, bốc dỡ,...

1.2.1.2 Tài khoản sử dụng

❖ *Tài khoản 511 – Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ*

Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp trong một thời kỳ kế toán của hoạt động sản xuất kinh doanh:

➤ *Bên nợ:*

- Các khoản thuế gián thu phải nộp (GTGT, TTĐB, XK, BVMT).
- Các khoản giảm trừ doanh thu (bán hàng bị trả lại, giảm giá hàng bán, chiết khấu thương mại).
- Kết chuyển doanh thu thuần vào tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.

➤ *Bên có*

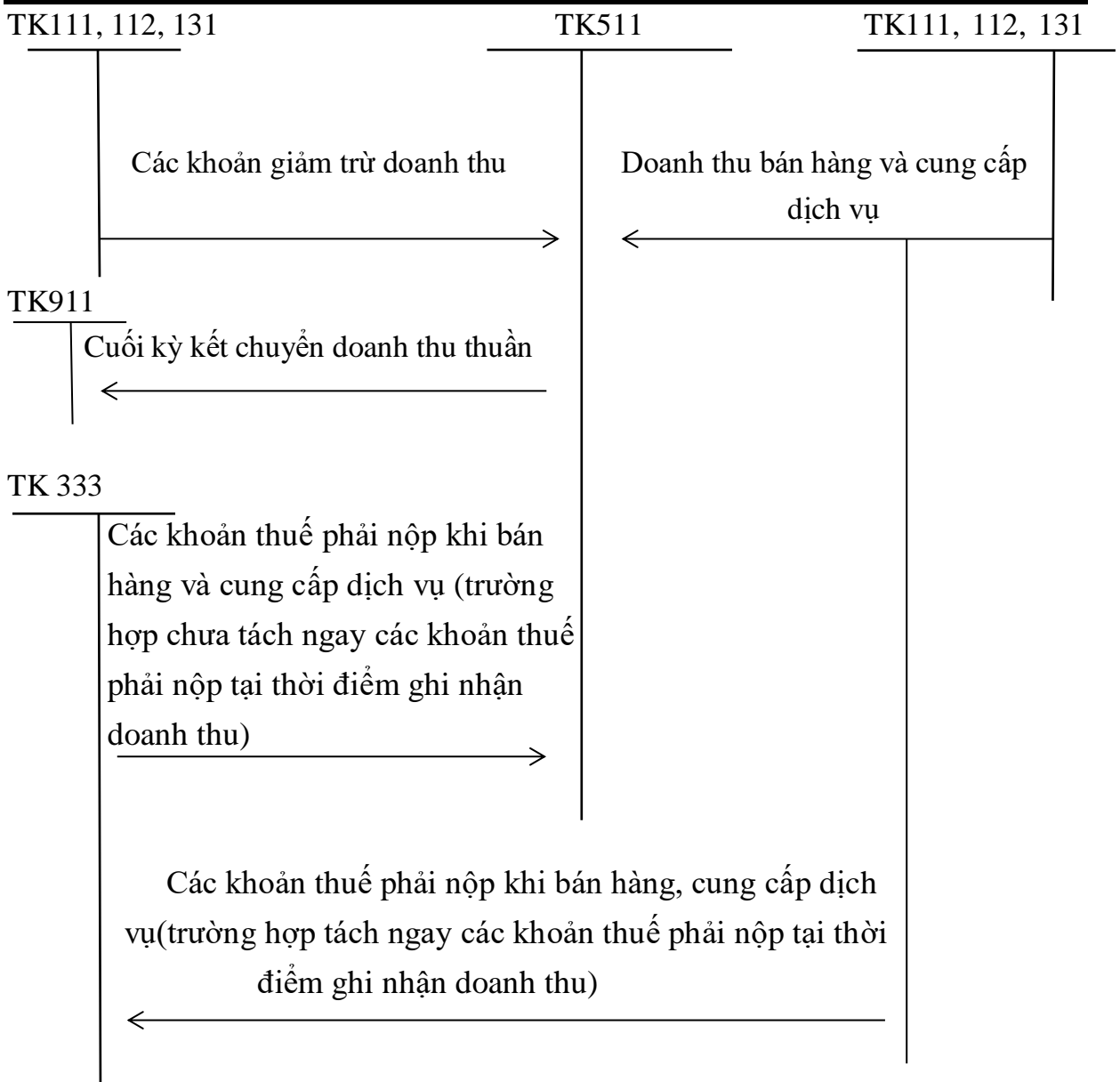
- Doanh thu bán sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp thực hiện trong kỳ kế toán.

Tài khoản 511 có 4 tài khoản cấp 2 và không có số dư cuối kì:

- *Tài khoản 5111 – Doanh thu bán hàng hóa.*
- *Tài khoản 5112 – Doanh thu bán thành phẩm.*
- *Tài khoản 5113 – Doanh thu cung cấp dịch vụ.*
- *Tài khoản 5118 – Doanh thu khác.*

Theo thông tư 133/2016/TT-BTC chế độ kế toán doanh nghiệp vừa và nhỏ có hiệu lực từ 01/01/2017 đã bỏ tài khoản 521 thay vào đó các khoản giảm trừ doanh thu được ghi giảm trực tiếp vào bên nợ của tài khoản 511 – Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.

1.2.1.3 Phương pháp hạch toán



Sơ đồ 1.1: Sơ đồ hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1.2.2 Kế toán giá vốn hàng bán

1.2.2.1 Chứng từ sử dụng

- ❖ *Tài khoản 632 – Giá vốn hàng bán.*
- Bên nợ:
 - Đối với hoạt động sản xuất, kinh doanh:
 - + Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã bán trong kì
 - + Chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công vượt trên mức bình thường và chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ được tính vào giá vốn hàng bán trong kì.

+ Các khoản hao hụt, mất mát của hàng tồn kho sau khi trừ phần bồi thường do trách nhiệm cá nhân gây ra.

+ Số trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho (Chênh lệch giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải lập năm nay lớn hơn số dự phòng đã lập năm trước chưa sử dụng hết).

- Đối với hoạt động kinh doanh BĐSĐT.

+ Phản ánh số khấu hao BĐSĐT dùng để cho thuê hoạt động trích trong kỳ.

+ Chi phí sửa chữa, nâng cấp, cải tạo BĐSĐT không đủ điều kiện tính vào nguyên giá BĐSĐT.

+ Chi phí phát sinh từ nghiệp vụ cho thuê hoạt động BĐSĐT trong kỳ.

+ Giá trị còn lại của BĐSĐT bán, thanh lý trong kỳ.

+ Chi phí của nghiệp vụ bán, thanh lý BĐSĐT trong kỳ.

+ Số tổn thất do giảm giá giá trị BĐSĐT nắm giữ chờ tăng giá

+ Chi phí trước đối với hàng hoá bất động sản được xác định là đã bán.

➤ Bên có:

- Kết chuyển giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã bán trong kỳ sang TK 911 – xác định kết quả kinh doanh.

- Kết chuyển toàn bộ chi phí kinh doanh BĐSĐT phát sinh trong kỳ để xác định kết quả hoạt động kinh doanh.

- Khoản hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm tài chính (chênh lệch giữa số chi phí trích trước còn lại cao hơn chi phí thực tế phát sinh).

- Khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán nhận được sau khi hàng mua đã tiêu thụ.

- Số điều chỉnh tăng nguyên giá BĐSĐT nắm giữ chờ tăng giá khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy BĐSĐT có dấu hiệu tăng giá trở lại.

- Các khoản thuế nhập khẩu, thuế TTĐB thuế BVMT đã tính vào giá trị hàng mua, nếu khi xuất bán hàng hóa mà các khoản thuế đó được hoàn lại.

1.2.2.2 Phương pháp hạch toán

❖ Các phương pháp xác định giá vốn

- *Phương pháp bình quân gia quyền*: theo phương pháp này giá xuất kho hàng hóa được tính theo đơn giá bình quân

$$\text{Giá thực tế NVL, hàng hóa xuất dùng} = \text{Số lượng xuất dùng} \times \text{Giá đơn vị bình quân}$$

- Phương pháp bình quân cả kỳ dự trữ

$$\text{Đơn giá bình quân cả kỳ dự trữ} = \frac{\text{Giá trị thực tế tồn đầu kỳ} + \text{Nhập trong kỳ}}{\text{Số lượng tồn đầu kỳ} + \text{Nhập trong kỳ}}$$

- Phương pháp bình quân cuối kỳ trước

$$\text{Đơn giá bình quân cuối kỳ trước} = \frac{\text{Giá trị thực tế tồn đầu kỳ (hoặc cuối kỳ)}}{\text{Số lượng thực tế tồn đầu kỳ (hoặc cuối kỳ)}}$$

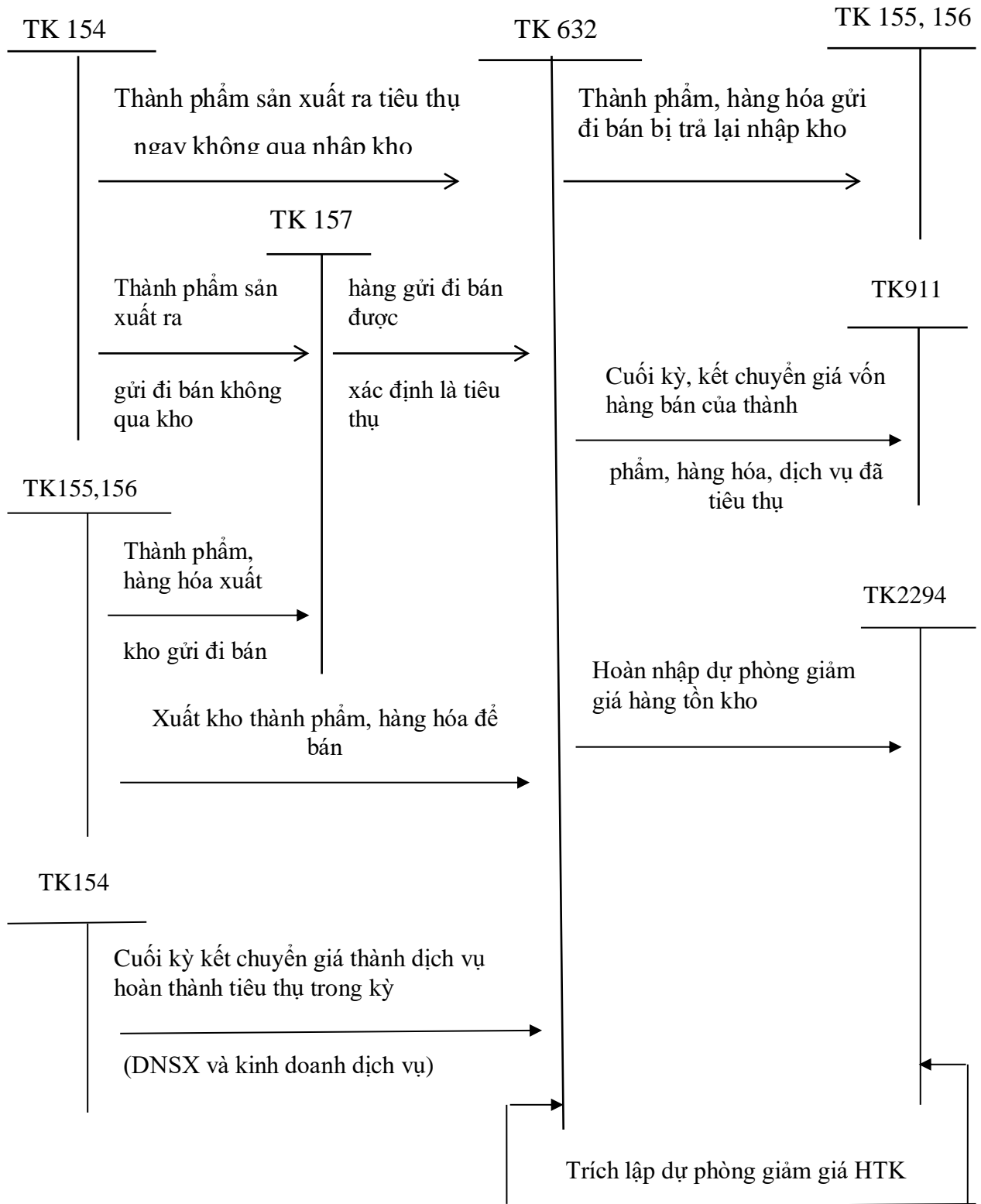
- Phương pháp đơn giá bình quân sau mỗi lần nhập

$$\text{Đơn giá bình quân sau mỗi lần nhập} = \frac{\text{Giá trị thực tế tồn kho sau mỗi lần nhập}}{\text{Số lượng thực tế tồn đầu kho sau mỗi lần nhập}}$$

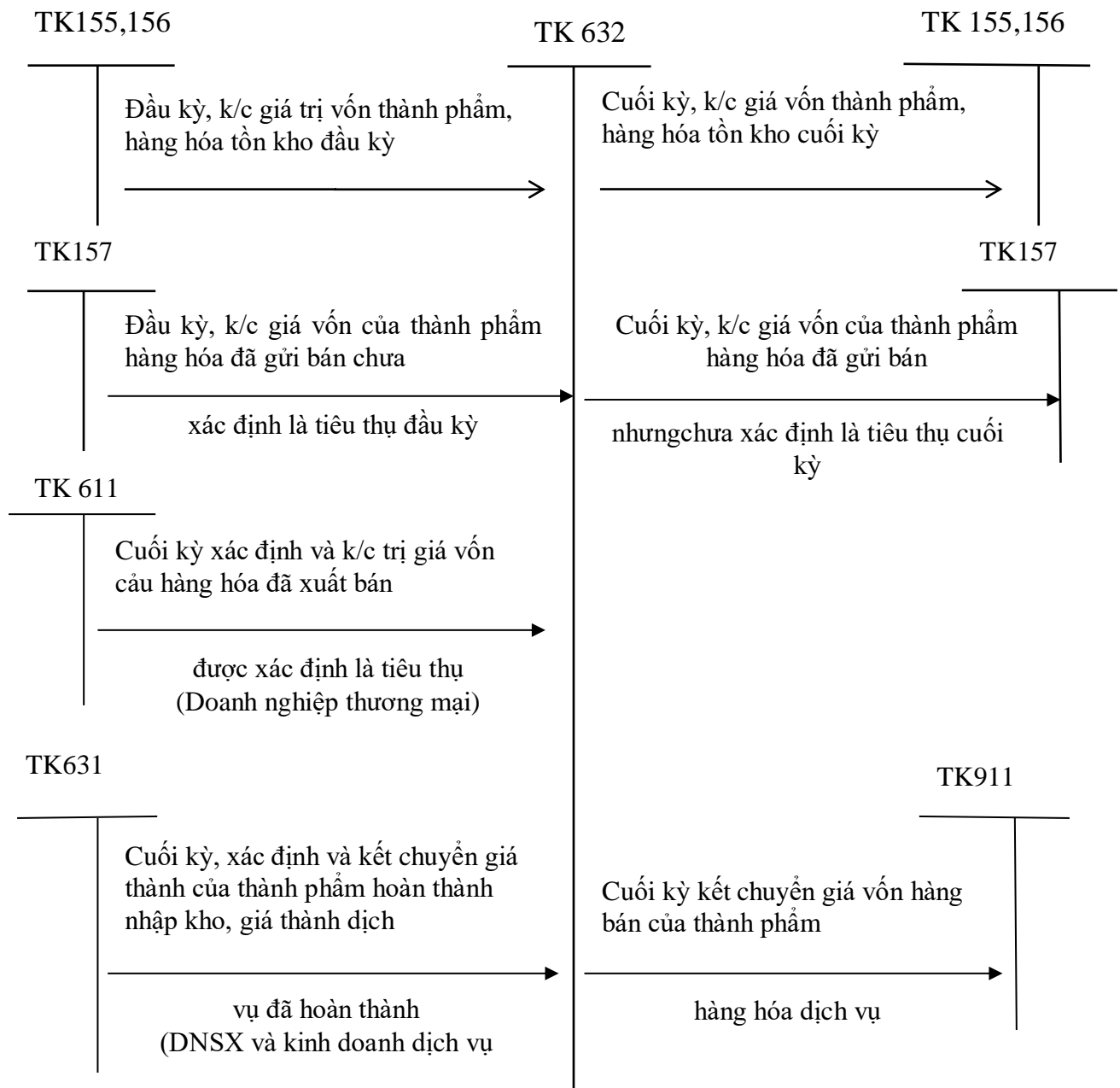
- Phương pháp nhập trước – xuất trước (FIFO): hàng hóa nào nhập trước thì xuất trước, xuất hết số nhập trước rồi mới đến số nhập sau theo giá thực tế của từng lần nhập. Do vậy hàng hóa tồn kho cuối kỳ sẽ là giá thực tế của số vật liệu mua vào trong kỳ

- Phương pháp thực tế đích danh: theo phương pháp này sản phẩm, vật tư, hàng hóa xuất kho thuộc lô hàng nhập nào thì lấy đơn giá nhập kho của lô hàng đó để tính.

Phương pháp hạch toán giá vốn hàng bán theo hai phương pháp: phương pháp kê khai thường xuyên và phương pháp kiểm kê định kỳ được khái quát qua hai sơ đồ 1.2 và 1.3 như sau:



Sơ đồ 1.2: Sơ đồ hạch toán giá vốn bán hàng theo phương pháp kê khai thường xuyên



Sơ đồ 1.3: Sơ đồ hạch toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kiểm kê định kỳ

1.2.3 Kế toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính

1.2.3.1. Chứng từ sử dụng.

- Hóa đơn GTGT.
- Phiếu thu, phiếu chi.
- Giấy báo nợ, giấy báo có.
- Phiếu kế toán.

1.2.3.2. Tài khoản sử dụng.

❖ *Tài khoản 515 – Doanh thu hoạt động tài chính (không có số dư cuối kỳ)*

Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia, khoản lãi về chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp.

➤ *Bên nợ:*

- Số thuế GTGT phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp
- Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính thuần sang tài khoản 911 – “Xác định kết quả kinh doanh”.

➤ *Bên có:*

- Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia.
- Lãi do nhượng bán các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết.
- Chiết khấu thanh toán được hưởng.
- Lãi tỷ giá hối đoái phát sinh khi bán ngoại tệ.
- Lãi tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ của hoạt động kinh doanh.
- Lãi tỷ giá hối đoái do đánh giá lại cuối năm tài chính các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ của hoạt động kinh doanh.
- Kết chuyển hoặc phân bổ lãi tỷ giá hối đoái của hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản (giai đoạn trước hoạt động) đã hoàn thành đầu tư vào hoạt động doanh thu tài chính.
- Doanh thu hoạt động tài chính khác phát sinh trong kỳ.

❖ *Tài khoản 635 – Chi phí tài chính (tài khoản không có số dư cuối kỳ)*

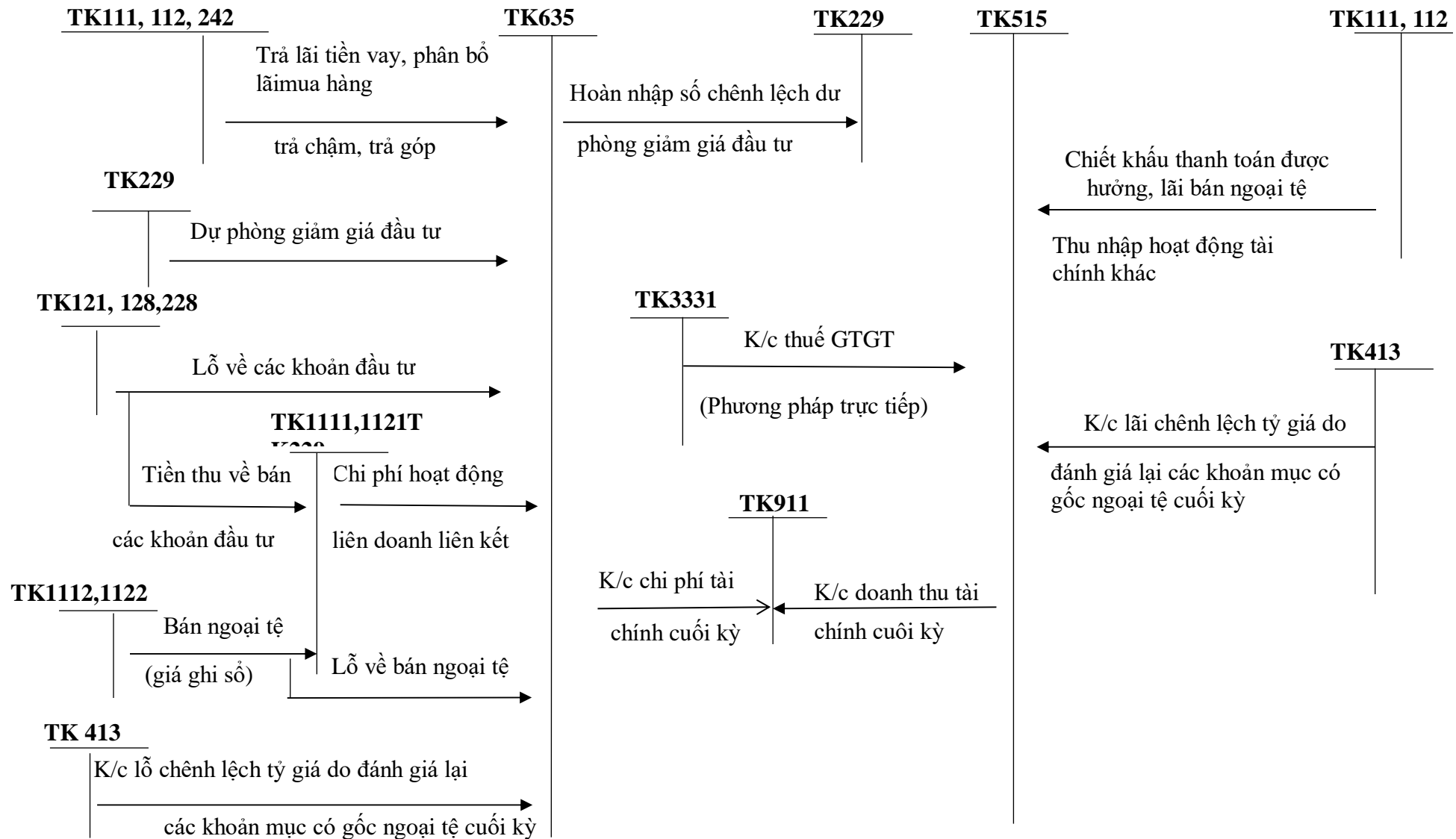
Tài khoản này phản ánh các khoản chi phí tài chính bao gồm:

- Chi phí tiền lãi vay, lãi mua hàng trả chậm, lãi thuê tài sản thuê tài chính.
- Chiết khấu thanh toán cho người mua.

- Các khoản lỗ do thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư, chi phí giao dịch bán chứng khoán.
 - Lỗ tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ; lỗ tỷ giá hối đoái do đánh giá lại cuối kỳ các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ; lỗ bán ngoại tệ.
 - Số trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác.
 - Các khoản chi phí hoạt động đầu tư tài chính khác.
 - Các khoản chi phí tài chính khác.
- *Bên nợ:*
- Các khoản chi phí tài chính phát sinh trong kỳ.
 - Trích lập bổ sung dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất vào đơn vị khác.
- *Bên có:*
- Hoàn nhập dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác.
 - Các khoản được ghi giảm chi phí tài chính.
 - Kết chuyển toàn bộ chi phí tài chính phát sinh trong kỳ sang TK 911 – Xác định kết quả kinh doanh.

1.2.3.3 Phương pháp hạch toán

Phương pháp hạch toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính được khái quát qua sơ đồ 1.4 như sau:



Sơ đồ 1.4: Sơ đồ hạch toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính

1.2.4 Kế toán chi phí quản lý kinh doanh

1.2.4.1 Chứng từ sử dụng

- ✓ Hóa đơn GTGT: giấy báo nợ, phiếu chi
- ✓ Bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ
- ✓ Bảng phân bổ tiền lương và bảo hiểm xã hội
- ✓ Các chứng từ khác có liên quan

1.2.4.2 Tài khoản sử dụng

❖ *Tài khoản 642 – Chi phí quản lý kinh doanh.*

➤ *Bên nợ:*

- Các chi phí quản lý kinh doanh phát sinh trong kỳ.
- Số dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả.

➤ *Bên có:*

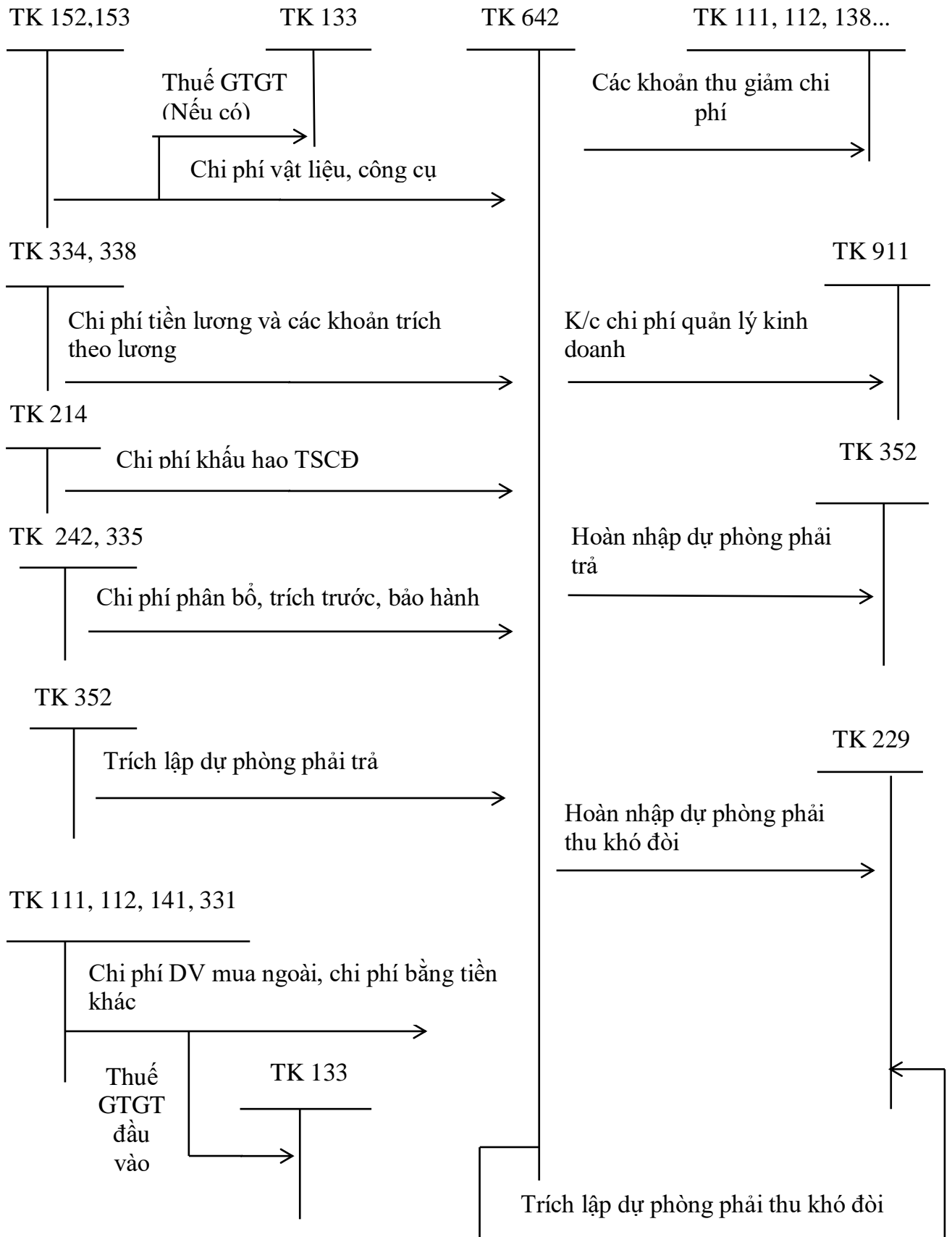
- Các khoản được ghi giảm chi phí quản lý kinh doanh.
- Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả.
- Kết chuyển chi phí quản lý kinh doanh vào tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.

Tài khoản 642 có 2 tài khoản cấp 2 và không có số dư cuối kỳ:

- *Tài khoản 6421 – Chi phí bán hàng:* phản ánh chi phí bán hàng thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa và cung cấp dịch vụ trong kỳ của doanh nghiệp và tình hình kết chuyển chi phí bán hàng sang TK 911 – Xác định kết quả kinh doanh.
- *Tài khoản 6422 – Chi phí quản lý doanh nghiệp:* phản ánh chi phí quản lý chung của doanh nghiệp phát sinh trong kỳ và tình hình kết chuyển chi phí quản lý kinh doanh sang TK 911 – Xác định kết quả kinh doanh.

1.2.4.3 Phương pháp hạch toán

Phương pháp hạch toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp được khái quát qua sơ đồ 1.5 như sau:



Sơ đồ 1.5: Sơ đồ hạch toán giá chi phí quản lý kinh doanh

1.2.5 Kế toán thu nhập khác và chi phí khác

1.2.5.1. Chứng từ sử dụng.

- Hóa đơn GTGT.
- Các chứng từ thanh toán: Phiếu thu, phiếu chi, giấy bảo nợ, giấy báo có,...
- Các chứng từ liên quan khác: Biên bản thanh lý hợp đồng kinh tế,...

1.2.5.2. Tài khoản sử dụng.

❖ Tài khoản 711 – Thu nhập khác (tài khoản không có số dư cuối kỳ)

Tài khoản này dùng để phản ánh các khoản thu nhập khác ngoài hoạt động tạo ra doanh thu của doanh nghiệp.

- Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý TSCĐ.
- Chênh lệch lãi do đánh giá lại vật tư, hàng hóa, TSCĐ đưa đi góp vốn liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết và đầu tư khác.
- Các khoản thuế phải nộp khi bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ nhưng sau đó được giảm, được giảm, được hoàn.
- Thu tiền phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng.
- Thu các khoản nợ khó đòi đã xử lý xóa sổ.
- Thu các khoản nợ phải trả không xác định được chủ.
- Thu nhập quà biếu, quà tặng bằng tiền, hiện vật của các tổ chức, cá nhân tặng cho doanh nghiệp.
- Các khoản thu nhập khác ngoài các khoản nêu trên.

➤ Bên nợ:

- Số thuế GTGT phải nộp (nếu có) đối với các khoản thu nhập khác ở doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp.
- Cuối kỳ kế toán, kết chuyển các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ sang tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”

➤ Bên có:

- Các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ.

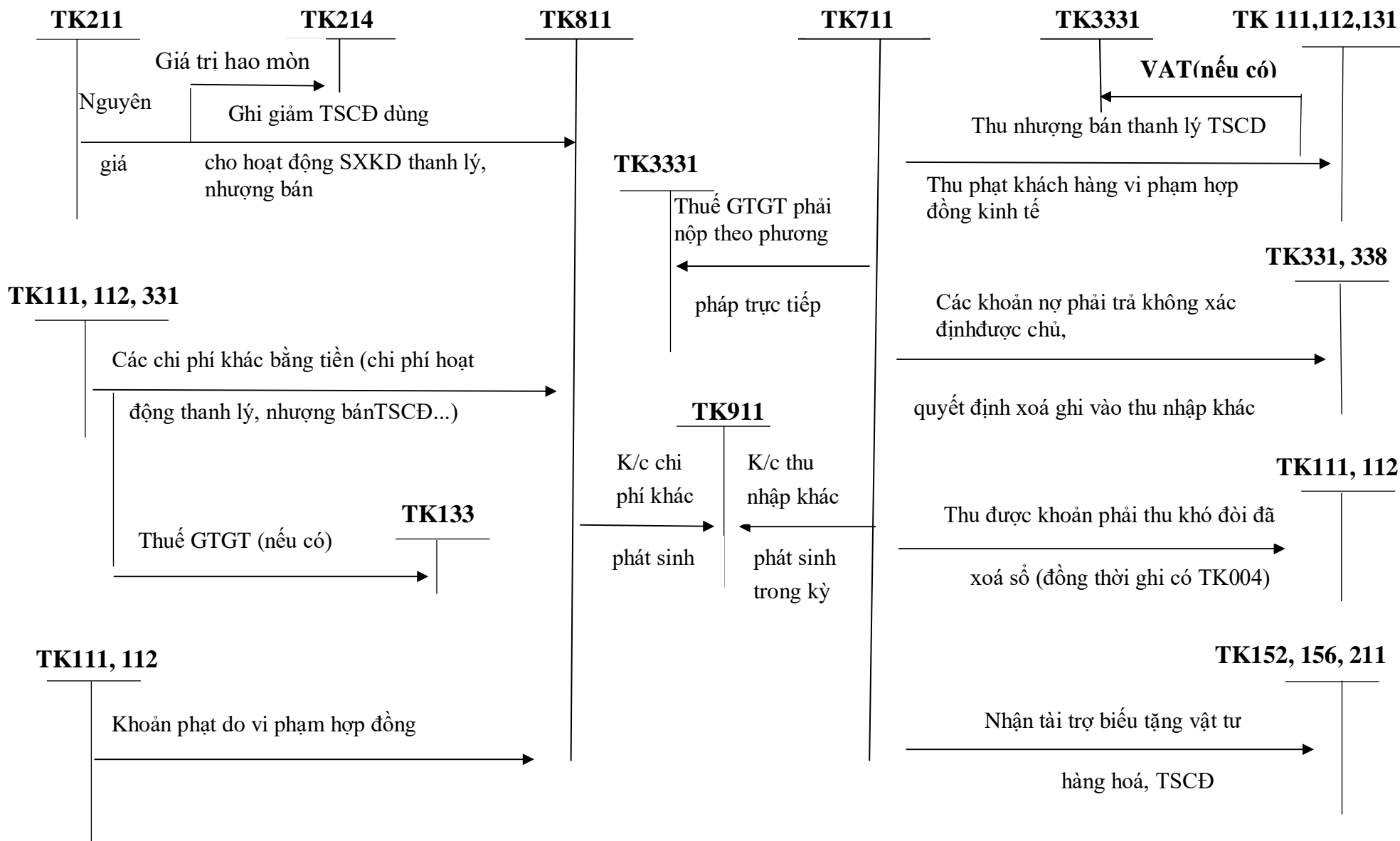
❖ Tài khoản 811 – Chi phí khác (tài khoản không có số dư cuối kỳ)

Tài khoản này dùng để phản ánh các khoản chi phí của các hoạt động ngoài hoạt động sản xuất kinh doanh tạo ra doanh thu của doanh nghiệp gồm:

- Chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ (gồm cả chi phí đầu thầu hoạt động thanh lý). Số tiền thu từ hoạt động thanh lý, nhượng bán TSCĐ được ghi giảm chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ.
 - Giá trị còn lại của TSCĐ bị phá dỡ.
 - Giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý, nhượng bán TSCĐ (nếu có).
 - Chênh lệch lỗ do đánh giá lại vật tư, hàng hóa, TSCĐ đưa đi góp vốn vào công ty liên doanh, liên kết vào đầu tư khác.
 - Tiền phạt phải trả do vi phạm hợp đồngkinh tế, phạt vi phạm hành chính.
 - Các khoản chi phí khác.
- *Bên nợ:*
- Các khoản chi phí khác phát sinh như nêu trên.
- *Bên có:*
- Kết chuyển toàn bộ các khoản chi phí khác phát sinh trong kỳ vào tài khoản 911 – Xác định kết quả kinh doanh

1.2.5.3 Phương pháp hạch toán

Phương pháp hạch toán thu nhập khác và chi phí khác được khái quát qua sơ đồ 1.6 như sau:



Sơ đồ 1.6: Sơ đồ hạch toán thu nhập khác và chi phí khác

1.2.6 Kế toán xác định kết quả kinh doanh

1.2.6.1. Chứng từ sử dụng.

- Phiếu kế toán

1.2.6.2. Tài khoản sử dụng.

- ❖ *Tài khoản 911 – Xác định kết quả kinh doanh (tài khoản không có số dư cuối kỳ)*

Tài khoản này dùng để xác định và phản ánh kết quả hoạt động kinh doanh và các hoạt động khác của doanh nghiệp trong một kỳ kế toán năm.

➤ *Bên nợ:*

- Kết chuyển trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán.
- Kết chuyển chi phí hoạt động tài chính, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp và chi phí khác.
- Kết chuyển chi phí quản lý kinh doanh (gồm chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp).
- Kết chuyển lãi.

➤ *Bên có:*

- Kết chuyển doanh thu thuần về số sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán trong kỳ.
- Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính, các khoản thu nhập khác và khoản ghi giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.
- Kết chuyển lỗ.

- ❖ *Tài khoản 421 – Lợi nhuận chưa phân phối.*

Tài khoản lợi nhuận chưa phân phối có 2 tiểu khoản cấp 2:

➤ *Tài khoản 4211 – lợi nhuận chưa phân phối năm trước.*

➤ *Tài khoản 4212 – lợi nhuận phân phối năm nay.*

➤ *Bên nợ:*

- Số lỗ về hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.
- Trích lập các quỹ của doanh nghiệp.
- Chia cổ tức, lợi nhuận cho các cổ đông, cho các nhà đầu tư, các bên tham gia liên quan.
- Bổ sung nguồn vốn kinh doanh.
- Nộp lợi nhuận lên cấp trên.

➤ *Bên có:*

- Số lợi nhuận thực tế của hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trong kỳ.
- Số lợi nhuận cấp dưới nộp lên, số lỗ của cấp dưới được cấp trên cấp bù.
- Xử lý các khoản lỗ về hoạt động kinh doanh.

❖ *Tài khoản 821 – Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp*

➤ *Bên nợ:*

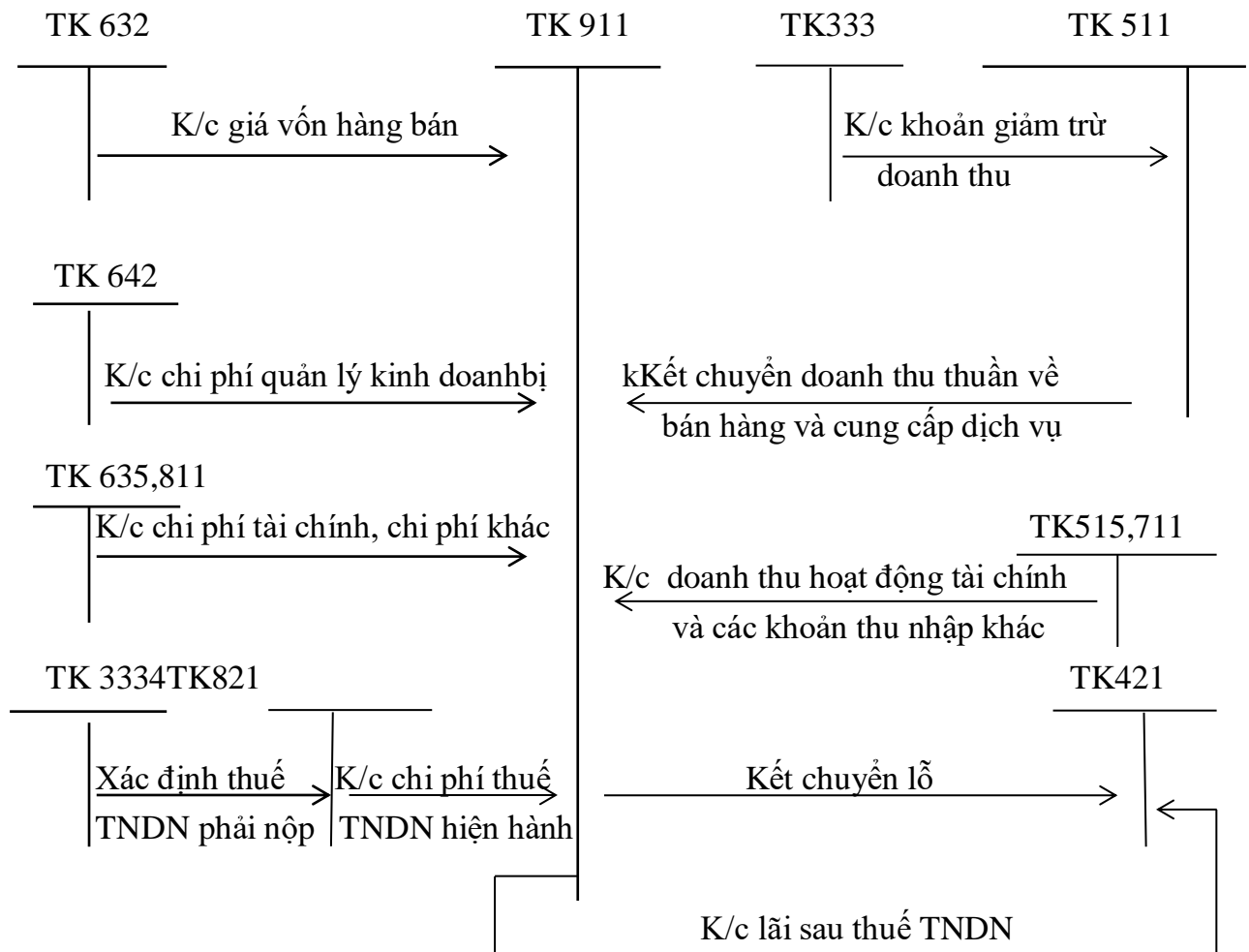
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phát sinh trong năm.
- Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành của các năm trước phải nộp bổ sung do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước được ghi tăng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành của năm hiện tại.

➤ *Bên có:*

- Số thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phát sinh trong năm nhỏ hơn số thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành tạm phải nộp được giảm trừ vào chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành đã ghi nhận trong năm.
- Số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp được ghi giảm do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước được ghi giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành trong năm hiện tại.
- Kết chuyển số chênh lệch giữa chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phát sinh trong năm lớn hơn khoản được ghi giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành trong năm vào tài khoản 911 – Xác định kết quả kinh doanh.

1.2.6.3 Phương pháp hạch toán

Phương pháp hạch toán xác định kết quả hoạt động kinh doanh được khái quát qua sơ đồ 1.7 như sau:

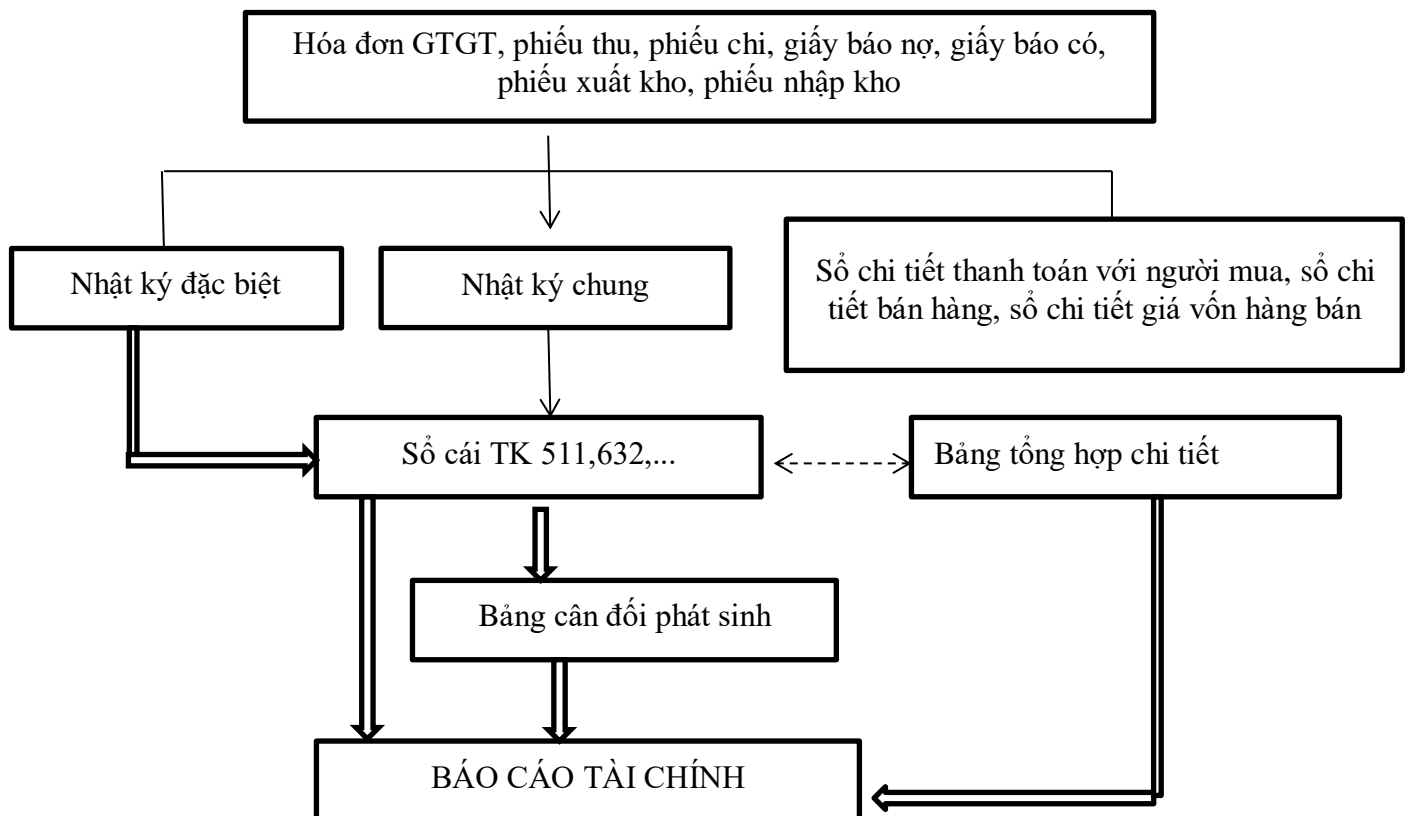


Sơ đồ 1.7: Sơ đồ hạch toán xác định kết quả kinh doanh

1.3 TỔ CHỨC VẬN DỤNG HỆ THỐNG SỔ SÁCH KẾ TOÁN VÀO CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ.

1.3.1. Hình thức kế toán Nhật ký chung

Tất cả các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh đều phải được ghi nhận vào “Sổ nhật ký” mà trọng tâm là “Sổ nhật ký chung”, theo trình tự thời gian phát sinh và theo nội dung kinh tế (định khoản kế toán) của nghiệp vụ đó. Sau đó lấy số liệu trên các sổ “Nhật ký” để ghi “Sổ cái” theo từng nghiệp vụ phát sinh.



Ghi chú: Ghi hàng ngày —————>
 Ghi cuối tháng ==>
 Đối chiếu <-.-.-.-.->

Sơ đồ: 1.8: Hình thức kế toán Nhật ký chung

Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký chung

(1) Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ đã kiểm tra được dùng để làm căn cứ ghi sổ, trước hết ghi nghiệp vụ phát sinh vào sổ Nhật ký chung, sau đó căn cứ số liệu đã ghi trên sổ Nhật ký chung để ghi vào Sổ cái theo các tài khoản kế toán phù hợp. Nếu đơn vị có mở sổ, thẻ kế toán chi tiết thì đồng thời với việc ghi sổ

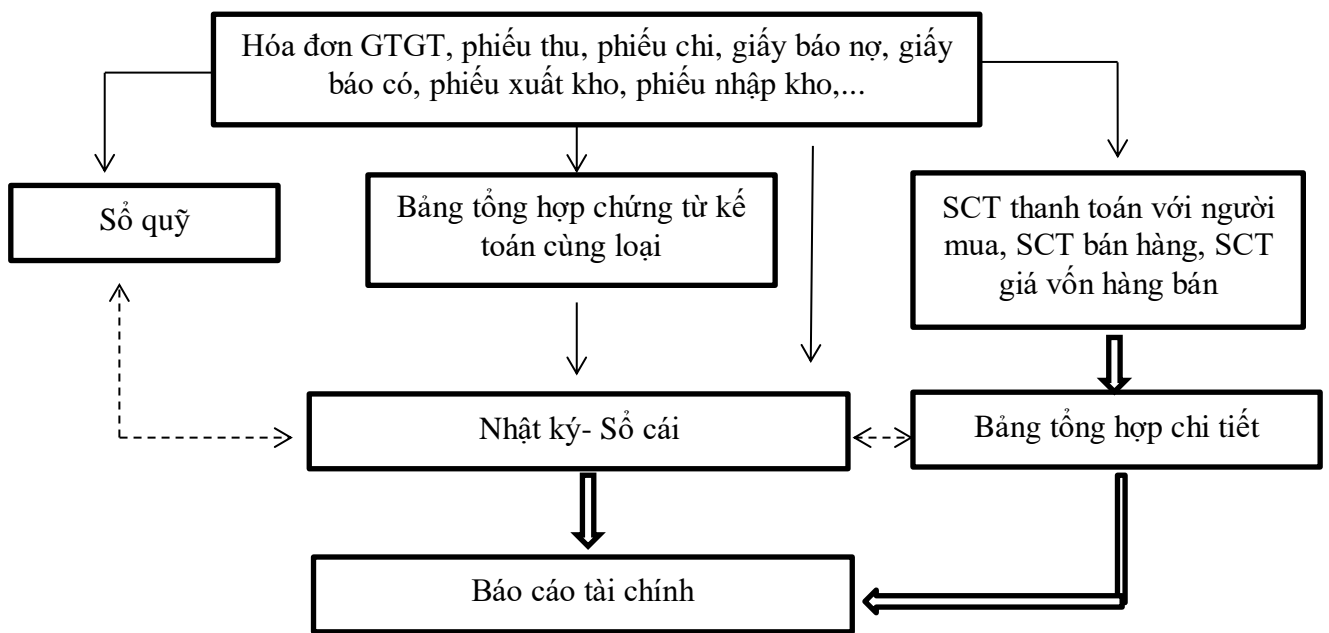
Nhật ký chung, các nghiệp vụ phát sinh được ghi vào các sổ, thẻ kế toán chi tiết liên quan.

(2) Cuối tháng, cuối quý, cuối năm, cộng số liệu trên Sổ cái, lập Bảng cân đối số phát sinh.

Sau khi đã kiểm tra đối chiếu khớp đúng số liệu ghi trên Sổ cái và Bảng tổng hợp chi tiết (được lập từ các sổ, thẻ kế toán chi tiết) được dùng để lập Báo cáo tài chính.

1.3.2. Hình thức kế toán Nhật ký – Sổ cái

Các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh được kết hợp ghi chép theo trình tự thời gian và theo nội dung kinh tế (theo tài khoản kế toán) trên cùng một quyển sổ kế toán tổng hợp duy nhất là sổ “Nhật ký – Sổ cái”. Căn cứ để ghi vào sổ Nhật ký – Sổ cái là các chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại.



Ghi chú:
 Ghi hàng ngày →
 Ghi cuối tháng ==>
 Đối chiếu <-.-.-.->

Sơ đồ: 1.9: Hình thức kế toán Nhật ký – Sổ cái

Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký - Sổ cái

Hàng ngày, kế toán căn cứ vào các chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại đã được kiểm tra và được dùng làm căn cứ ghi sổ, trước hết xác định tài khoản ghi Nợ, tài khoản ghi Có để ghi vào Sổ Nhật ký –

Sổ Cái. Chứng từ kế toán và bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại sau khi đã ghi Sổ Nhật ký – Sổ Cái, được dung để ghi vào Sổ, Thẻ chi tiết có liên quan.

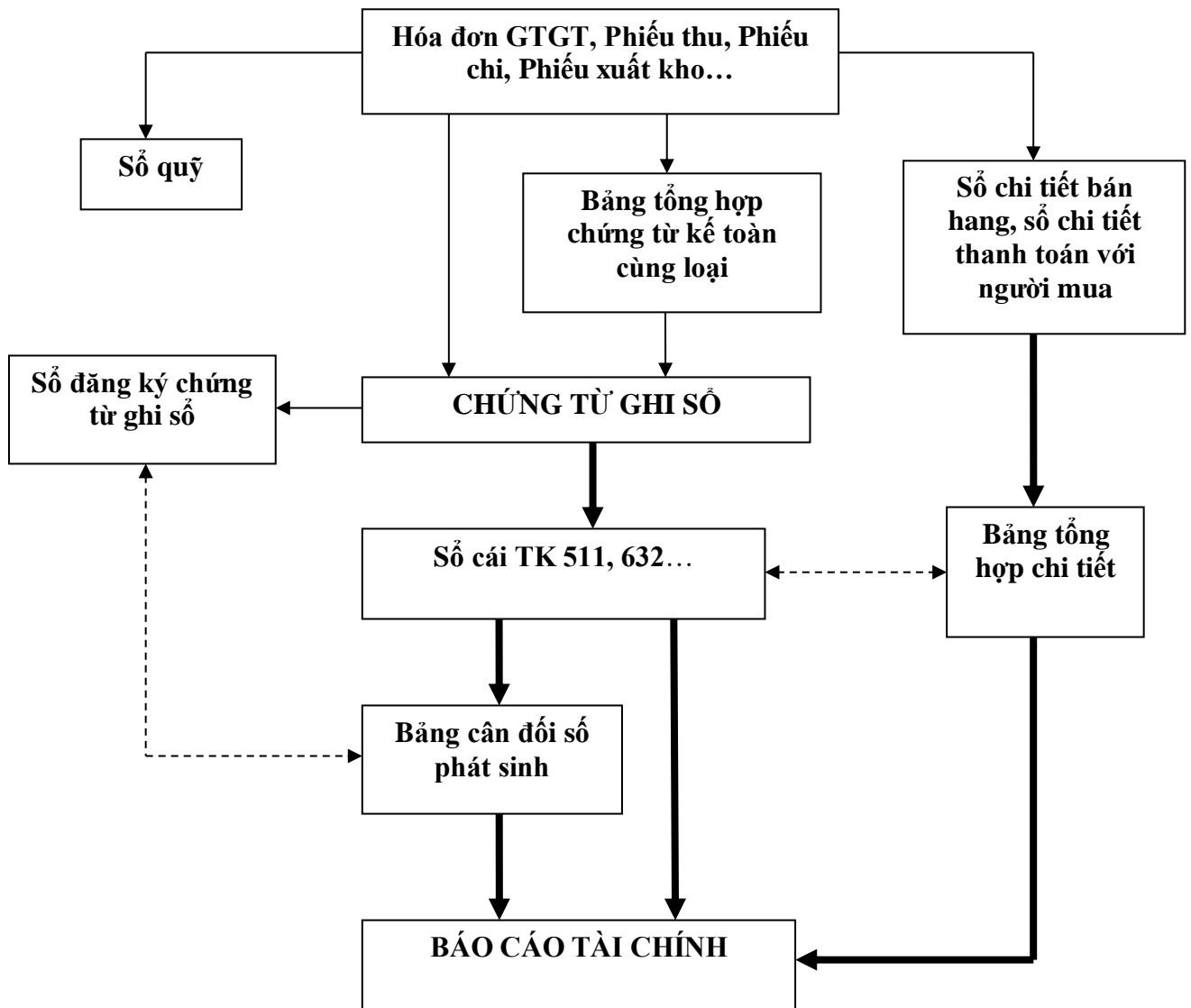
Cuối tháng: Sau khi đã phản ánh toàn bộ chứng từ kế toán phát sinh trong tháng vào Sổ Nhật ký – Sổ Cái và các sổ, thẻ kế toán chi tiết, kế toán tiến hành cộng số liệu của cột số phát sinh ở phần Nhật ký và các cột Nợ, cột Có của từng tài khoản ở phần Sổ Cái để ghi vào dòng cộng phát sinh cuối tháng. Căn cứ vào số phát sinh các tháng trước và số phát sinh tháng này tính ra số phát sinh lũy kế từ đầu đến cuối tháng này. Căn cứ vào số dư đầu tháng (đầu quý) và số phát sinh trong tháng kế toán tính ra số dư cuối tháng (cuối quý) của từng tài khoản trên Nhật ký – Sổ Cái.

Các sổ, thẻ kế toán chi tiết cũng phải được khóa sổ để cộng số phát sinh Nợ, số phát sinh Có và tính ra số dư cuối tháng của từng đối tượng. Căn cứ vào số liệu khóa sổ của các đối tượng lập “Bảng tổng hợp chi tiết” cho từng tài khoản. Số liệu trên “Bảng tổng hợp chi tiết” được đối chiếu với số phát sinh Nợ, số phát sinh Có và Số dư cuối tháng của từng tài khoản trên Sổ Nhật ký – Sổ Cái. Số liệu trên Nhật ký – Sổ cái và trên “Bảng tổng hợp chi tiết” sau khi khóa sổ được kiểm tra, đối chiếu nếu khớp, đúng sẽ được sử dụng để lập báo cáo tài chính.

1.3.3 Hình thức kế toán chứng từ ghi sổ

Hình thức Kế toán Chứng từ ghi sổ gồm có các loại sổ kế toán sau:

- Chứng từ ghi sổ;
- Sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ;
- Sổ Cái;
- Các Sổ, Thẻ kế toán chi tiết.



Sơ đồ 1.10: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ

Ghi chú:

Ghi hàng ngày: —————→

Ghi cuối tháng: —————→

Đối chiếu, kiểm tra: <----->

Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ:

(1) Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán đã được kiểm tra, được dung làm căn cứ ghi sổ, kế toán lập Chứng từ ghi sổ. Căn cứ vào Chứng từ ghi sổ để ghi vào sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ, sau đó được dùng để ghi vào Sổ Cái. Các chứng từ kế toán sau khi làm căn cứ Lập Chứng từ ghi sổ được dung để ghi vào Sổ, Thẻ kế toán chi tiết có liên quan.

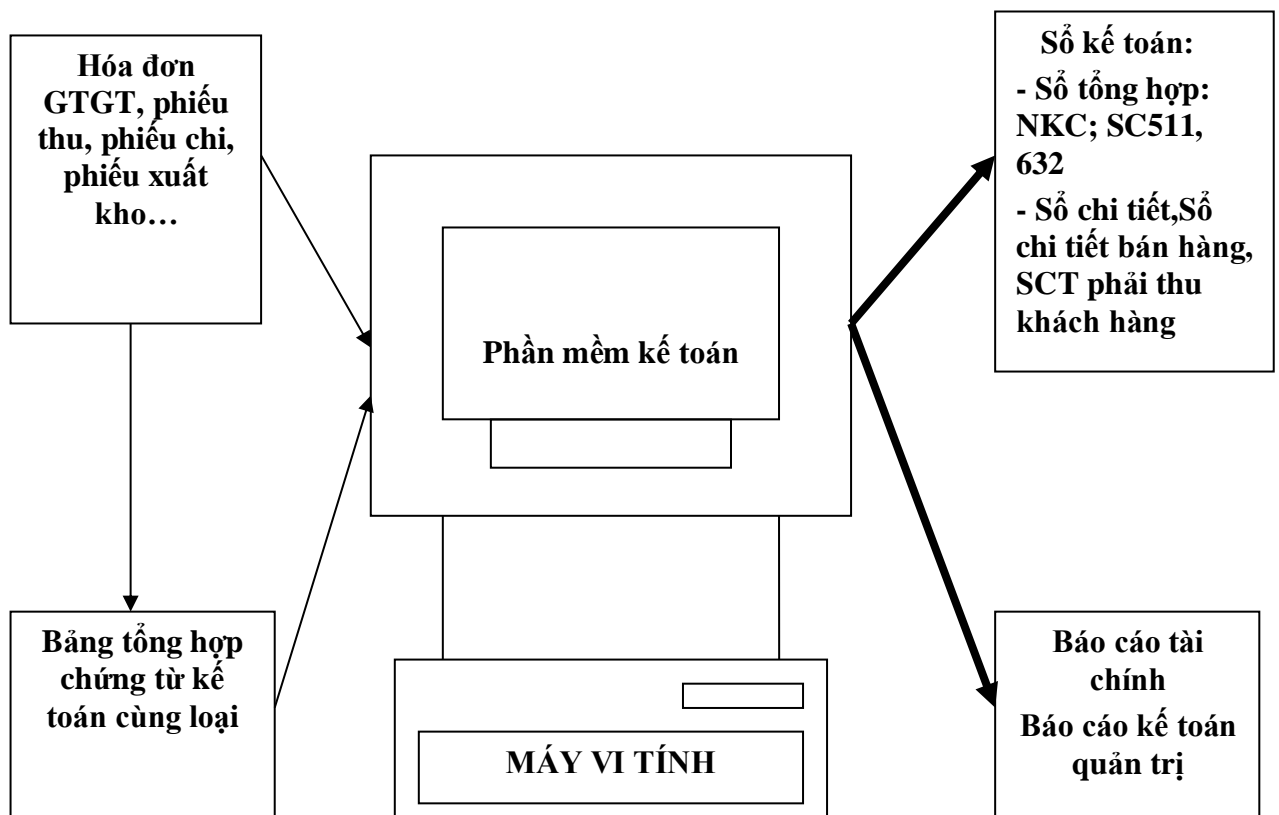
(2) Cuối tháng, phải khóa sổ tính ra tổng số tiền của các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh trong tháng trên sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ, tính ra Tổng số phát sinh Nợ, tổng số phát sinh Có và số dư của từng tài khoản trên Sổ cái. Căn cứ vào Sổ cái lập Bảng Cân đối số phát sinh.

(3) Sau khi đối chiếu khớp đúng, số liệu ghi trên Sổ cái và Bảng tổng hợp chi tiết (được lập từ các sổ, thẻ kế toán chi tiết) được dung để lập Báo cáo tài chính. Quan hệ đối chiếu, kiểm tra phải đảm bảo tổng số phát sinh Nợ và tổng số phát sinh Có của tất cả các tài khoản trên Bảng cân đối số phát sinh phải bằng nhau và bằng tổng dò tiền phát sinh trên sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ. Tổng số dư Nợ và tổng số dư Có của các tài khoản trên Bảng cân đối số phát sinh phải bằng nhau, và số dư của từng tài khoản trên Bảng cân đối số phát sinh phải bằng số dư của từng tài khoản tương ứng trên Bảng tổng hợp chi tiết.

1.3.4 Hình thức kế toán trên máy vi tính




Các loại sổ của Hình thức kế toán trên máy vi tính:

Phần mềm kế toán được thiết kế theo hình thức kế toán nào sẽ có các loại sổ của hình thức kế toán đó nhưng không hoàn toàn giống mẫu sổ kế toán ghi bằng tay.



Sơ đồ 1.11: Trình tự ghi sổ kế toán theo Hình thức kế toán trên máy vi tính

Ghi chú:

Ghi hàng ngày: 
Ghi cuối tháng: 
Đối chiếu, kiểm tra: 

Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán trên máy vi tính:

(1) Hàng ngày, kế toán căn cứ vào chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại đã được kiểm tra, được dùng làm căn cứ ghi sổ, xác định tài khoản ghi Nợ, tài khoản ghi Có để nhập dữ liệu vào máy vi tính theo các bảng, biểu được thiết kế sẵn trên phần mềm kế toán.

Theo quy định của phần mềm kế toán, các thông tin được tự động nhập vào sổ kế toán tổng hợp (Sổ Cái hoặc Nhật ký – Sổ cái ...) và các sổ, thẻ kế toán chi tiết liên quan.

(2) Cuối tháng (hoặc bất kỳ ào thời điểm cần thiết nào), kế toán thực hiện các thao tác khóa sổ (cộng sổ) và lập Báo cáo tài chính. Việc đối chiếu giữa số liệu tổng hợp với số liệu chi tiết được thực hiện tự động và luôn đảm bảo chính xác, trung thực theo thông tin đã được nhập trong kỳ. Người làm kế toán có thể kiểm tra, đối chiếu số liệu giữa sổ kế toán với báo cáo tài chính sau khi in ra giấy.

Thực hiện các thao tác để in báo cáo tài chính theo quy định.

Cuối tháng, cuối năm sổ kế toán tổng hợp và sổ kế toán chi tiết được in ra giấy, đóng thành quyển và thực hiện các thủ tục pháp lý theo quy định về sổ kế toán ghi bằng tay.

CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI THÀNH AN PHÁT

2.1 Giới thiệu chung về công ty Cổ phần Dịch Vụ Vận Tải Thành An Phát

2.1.1 Quá trình hình thành và phát triển của công ty

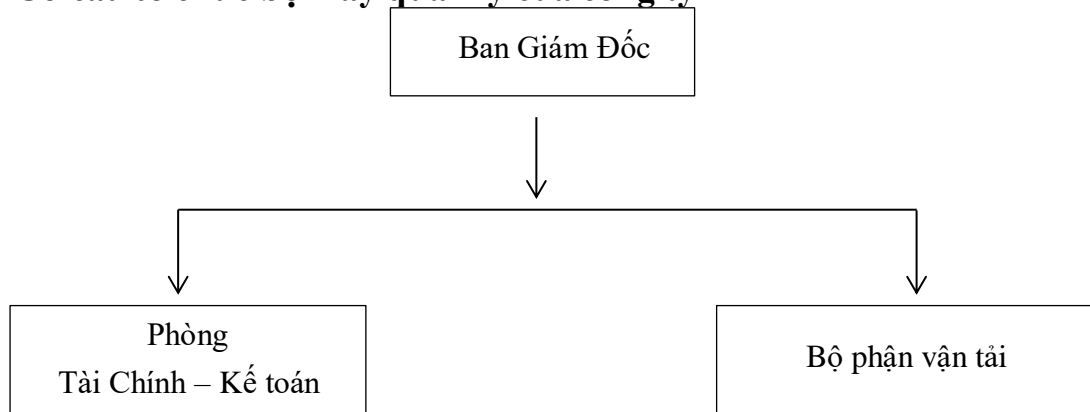
Hiện nay, đất nước ta đang trên đà phát triển đi lên về mọi mặt, đặc biệt là trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa, nền kinh tế đất nước ta với những chính sách mở đã thu hút được nhiều nguồn vốn đầu tư trong và ngoài nước, tạo động lực thúc đẩy sự tăng trưởng không ngừng của nước nhà. Nhưng bên cạnh đó, để có thể tồn tại và phát triển được trong môi trường cạnh tranh khốc liệt thì các doanh nghiệp đã và đang phải không ngừng phấn đấu, thay đổi và hoàn thiện mình hơn về mọi mặt. Công ty cổ phần Dịch Vụ Vận Tải Thành An Phát không nằm ngoài quy luật đó.

Trụ sở chính của công ty cổ phần dịch vụ vận tải Thành An Phát

- Tên doanh nghiệp : Công Ty Cổ Phần Dịch Vụ Vận Tải Thành An Phát
- Mã số thuế : 0201627344(31/03/2015)
- Địa chỉ : Số 33B, 170 thiên lôi, p. vĩnh niệm, q. lê chân , hải phòng
- Số điện thoại : 0313711037

Công ty cổ phần dịch vụ vận tải Thành An Phát thành lập (2/4/2015). Tính đến nay công ty hoạt động được 5 năm. Công ty chuyên cung cấp dịch vụ vận chuyển hàng hóa bằng đường bộ trong nội thành và các tỉnh lân cận dịch vụ xuất nhập khẩu hàng hóa dịch vụ giao nhận hàng hóa, đường biên với độ ngũ lái xe chuyên nghiệp và chịu được áp lực trong công việc , đảm bảo hàng hóa ko bị hư trong quá trình vận chuyển ... Cùng với sự trưởng thành, của đội ngũ cán bộ công nhân viên trong công ty. Họ đã cùng nhau khắc phục, những khó khăn trước mắt. Để cùng với công ty đi lên. Để đáp ứng nhu cầu nguyên vật liệu và giáo hàng kịp thời cho khách hàng, không làm gián đoạn việc sản xuất và kinh doanh của đối tác. vd : như chở đồ đông lạnh , linh kiện điện tử . hàng may mặc ...

2.1.2 Cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý của công ty



Sơ đồ 2.1: Bộ máy quản lý của Công ty

Chức năng của từng phòng ban:

➤ **Ban giám đốc công ty:**

- Là người đại diện theo pháp luật của công ty.
- Giám đốc có nhiệm vụ, quyền hạn cao nhất trong Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty quyết định các vấn đề liên quan đến hoạt động của Công ty.

➤ **Phòng Tài chính – Kế toán:**

- Ghi chép phản ánh đầy đủ, chính xác các nghiệp vụ kinh tế phát sinh hàng ngày. Theo dõi toàn bộ tài sản hiện có của doanh nghiệp, đồng thời cung cấp đầy đủ thông tin về hoạt động kinh tế tài chính của công ty.

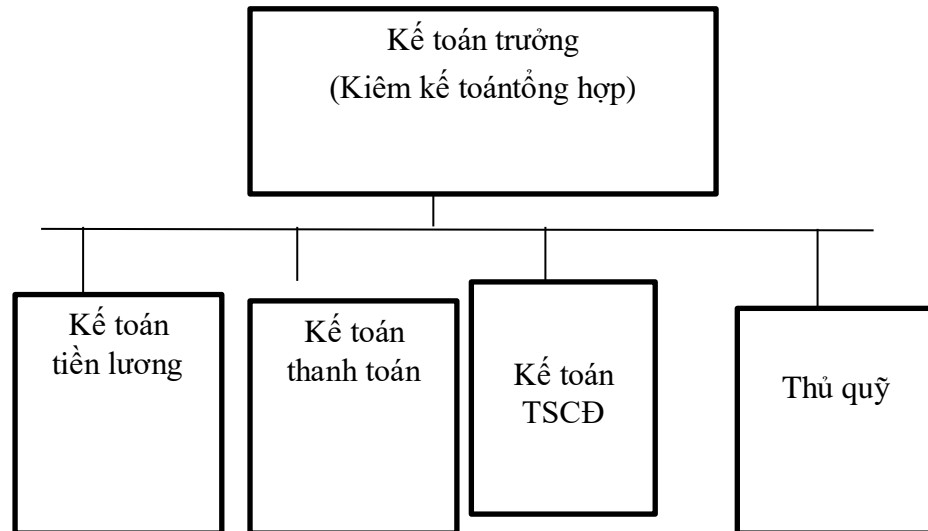
➤ **Bộ phận vận tải:**

- Nơi các lái xe thực hiện nhiệm vụ vận chuyển hàng hóa. Thông báo phương tiện hỏng, đóng hàng, nhận hàng, chuyển hàng hạ hàng tại nơi được nhân, tiết kiệm nhiên liệu, bảo vệ phương tiện,...

2.1.3 Tổ chức công tác kế toán tại công ty cpdv vận tải Thành An Phát

2.1.3.1 Tổ chức bộ máy kế toán tại Công ty cpdv Vận Tải Thành An Phát

Bộ máy kế toán của công ty tổ chức theo hình thức tập trung (sơ đồ 2.2), toàn bộ công việc kế toán được tập trung tại phòng kế toán của công ty. Chứng từ kế toán sẽ được gửi về phòng kế toán công ty để lập Báo cáo tài chính. Bộ máy kế toán gọn nhẹ nhưng khâu tổ chức chặt chẽ phù hợp với từng năng lực của từng nhân viên quản lý và đạt hiệu quả cao trong hạch toán của công ty từng phần hành nghiệp vụ.



Sơ đồ 2.2: Sơ đồ tổ chức kế toán tại công ty cpdv Vận Thành An Phát

Kế toán trưởng (kiêm kế toán tổng hợp): Ngoài việc kiểm tra, theo dõi, tổng hợp, lập báo cáo tài chính của công ty, tổ chức thông tin, phân tích hoạt động kinh doanh, tổ chức bảo quản, lưu trữ hồ sơ, tài liệu kế toán, tổ chức kế toán tổng hợp và chi tiết các nội dung hạch toán khác như: tài sản cố định, nguồn vốn kinh doanh và các quỹ. Phát hiện, kiểm tra lại nhưng thiếu sót của cấp dưới, phụ trách công tác kế toán của toàn công ty, chịu trách nhiệm trước cấp trên về mọi hoạt động tài chính. Chịu trách nhiệm tổ chức bộ máy kế toán của công ty, duyệt các chứng từ mua bán, thu chi phát sinh, chỉ đạo kiểm tra công việc do kế toán viên thực hiện.

Kế toán tiền lương: Lưu trữ các chứng từ liên quan trực tiếp đến người lao động, bắt đầu từ nộp hồ sơ, hợp đồng lao động đến biên bản kết thúc hợp đồng. Tính lương bao gồm việc theo dõi bảng chấm công, bảng năng suất,... từ các phòng ban khác đến việc tính lương, tính bảo hiểm, trả lương cho người lao động.

Kế toán thanh toán: Lập chứng từ thu- chi cho các khoản thanh toán của công ty đối với khách hàng và các khoản thanh toán nội bộ. Phản ánh vào các sổ sách liên quan đến phần hành kế toán hàng ngày và đối chiếu với sổ quỹ. Kiểm tra tồn quỹ tiền mặt, tiền gửi ngân hàng của công ty hàng ngày và cuối tháng. Theo dõi các khoản tạm ứng. Tiếp nhận các chứng từ thanh toán và kiểm tra tính hợp lý, hợp lệ của chứng từ. Cập nhật các qui định nội bộ về tiền đang chuyển, tiền gửi ngân hàng. Kiểm tra, tổng hợp quyết toán toàn công ty về tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, các khoản tạm ứng, lương, BHXH, BHYT, chênh lệch tỷ

giá. Thực hiện các nhiệm vụ do kế toán trưởng phân công. Thực hiện lưu trữ chứng từ, sổ sách, các công văn, qui định có liên quan vào hồ sơ nghiệp vụ.

Kế toán tài sản cố định: Tổ chức kế toán ghi chép, phản ánh tổng hợp số liệu một cách đầy đủ, kịp thời về số lượng, hiện trạng và giá trị tài sản cố định hiện có, tình hình tăng, giảm và di chuyển tài sản cố định, kiểm tra việc bảo quản, bảo dưỡng và sử dụng tài sản cố định. Kế toán tính toán và phân bổ chính xác mức khấu hao tài sản cố định vào chi phí sản xuất kinh doanh theo mức độ hao mòn của tài sản cố định và chế độ qui định. Tham gia lập dự toán sửa chữa lớn tài sản cố định, giám sát việc sửa chữa tài sản cố định. Kế toán hướng dẫn, kiểm tra các phân xưởng, phòng, ban thực hiện đầy đủ các chứng từ ghi chép ban đầu về tài sản cố định, mở các sổ sách cần thiết và hạch toán tài sản cố định đúng chế độ, đúng phương pháp. Kế toán tham gia kiểm kê và đánh giá lại tài sản cố định theo quy định của nhà nước, lập các báo cáo về tài sản cố định của doanh nghiệp; tiến hành phân tích tình hình trang bị, huy động, bảo quản và sử dụng tài sản cố định nhằm nâng cao hiệu quả kinh tế của tài sản cố định.

Thủ quỹ: Căn cứ vào chứng từ thu chi đã được phê duyệt thủ quỹ có nhiệm vụ giữ quỹ tiền mặt và thu chi tiền mặt.

2.1.3.2 Tổ chức hệ thống chứng từ, tài khoản, sổ kế toán, các chính sách và phương pháp kế toán áp dụng tại công ty.

*** Tổ chức hệ thống chứng từ và tài khoản kế toán**

Công ty cpdv Vận Tải Thành An Phát áp dụng hệ thống chứng từ và tài khoản ban hành theo thông tư 133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016 của Bộ tài chính.

*** Chính sách và các phương pháp kế toán áp dụng tại công ty**

- *Niên độ kế toán:* công ty thực hiện niên độ kế toán theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 kết thúc ngày 31/12 hàng năm.

- *Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán :* Đồng Việt Nam được sử dụng làm đơn vị tiền tệ để ghi sổ kế toán.

- *Phương pháp khấu hao TSCĐ áp dụng :* Phương pháp đường thẳng

- *Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu :* theo chuẩn mực số 14

- *Phương pháp tính thuế GTGT :* Theo phương pháp khấu trừ

- *Phương pháp hạch toán hàng tồn kho:* Công ty hạch toán hàng tồn kho

theo phương pháp kê khai thường xuyên

- *Phương pháp tính giá xuất kho*: bình quân gia quyền liên hoàn.

- *Hình thức kế toán*: hình thức sổ kế toán mà công ty đã và đang áp dụng là hình thức Nhật ký chung.

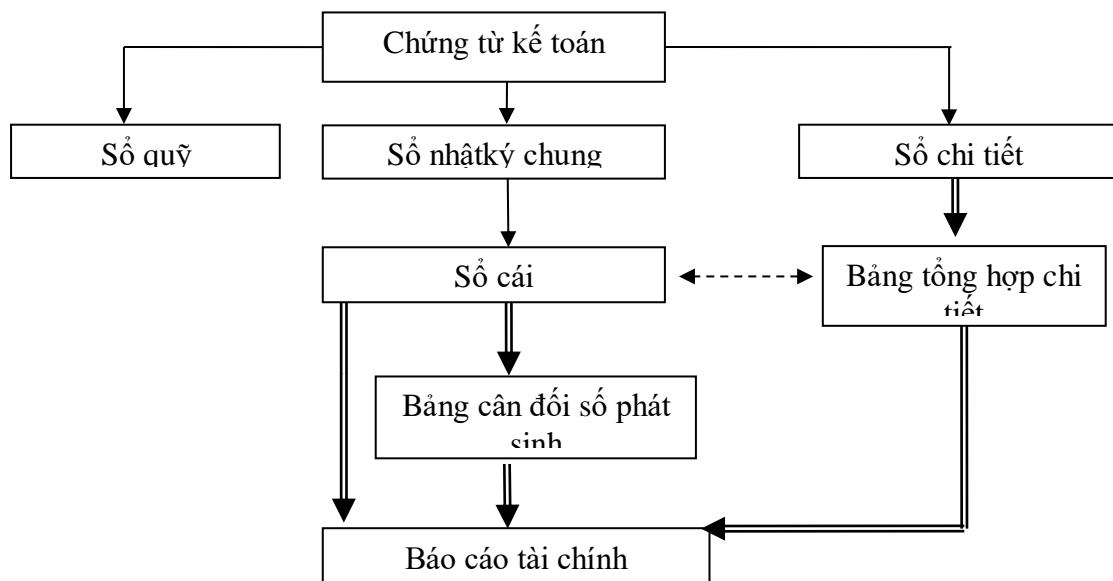
*** Tổ chức hệ thống sổ kế toán:**

Hiện nay công ty đang áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung. Việc áp dụng hình thức này đối với nhiều nghiệp vụ kinh tế phát sinh đã đáp ứng được yêu cầu dễ dàng kiểm tra, đối chiếu, thuận lợi cho việc phân công công tác.

Mỗi ngày dựa vào các chứng từ hóa đơn, phiếu thu, phiếu chi..., các nghiệp vụ phát sinh được ghi chép vào sổ Nhật ký chung. Dựa vào số liệu từ sổ Nhật ký chung để vào các sổ cái theo từng Nghiệp vụ kinh tế phát sinh.

Cuối tháng, quý, năm, cộng số liệu trên sổ Cái, lập Bảng cân đối số phát sinh. Sau khi đã kiểm tra đối chiếu khớp đúng, số liệu ghi trên sổ được dùng để lập các Báo cáo tài chính.

Trình tự ghi sổ kế toán của Công ty cpdv Vận Tải Thành An Phát được khái quát theo sơ đồ sau:



Ghi chú:

Ghi hàng ngày: \longrightarrow

Quan hệ đối chiếu, kiểm tra: $\longleftarrow\text{---}\text{---}\text{---}\longrightarrow$

Ghi cuối tháng, hoặc định kỳ: \Longrightarrow

Sơ đồ 2.3: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký chung tại công ty cpdv vận tải Thành An Phát

2.2. THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CPDV VẬN TẢI THÀNH AN PHÁT

2.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng tại công ty

2.2.1.1 Nội dung doanh thu của công ty

Công Cpdv Vận Tải Thành An Phát là một doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ, do đó doanh thu chủ yếu của công ty từ việc cung cấp các hoạt động dịch vụ vận tải hàng hóa bằng container.

- Phương thức cung cấp dịch vụ tại công ty là phương thức cung cấp dịch vụ trực tiếp. Hợp đồng cung cấp dịch vụ được ký giữa các bên cung cấp dịch vụ và bên nhận dịch vụ.

- Hình thức thanh toán sẽ được thực hiện:

+ Hình thức thanh toán ngay: khi công ty cung cấp dịch vụ cho khách hàng, công ty thu được tiền ngay (tiền mặt, tiền gửi ngân hàng...)

+ Hình thức thanh toán chậm: Khi công ty cung cấp dịch vụ cho khách hàng, công ty chưa thu được tiền ngay

2.2.1.2 Chứng từ sử dụng

- Hợp đồng kinh tế
- Hóa đơn GTGT;
- Các chứng từ thanh toán, phiếu thu, giấy báo có;
- Các chứng từ khác có liên quan

2.2.1.3 Tài khoản sử dụng

- TK 511 - “Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ”
- TK 3331 - “Thuế GTGT đầu ra”
- TK 911 - “Xác định kết quả kinh doanh”
- Các tài khoản khác

2.2.1.4 Quy trình hạch toán

Khi nhận được yêu cầu cung cấp dịch vụ của khách hàng kế toán lập hợp đồng cung cấp dịch vụ. Sau khi hợp đồng được ký thì công ty tiến hành cung cấp các dịch vụ theo yêu cầu của khách hàng. Khi hoạt động cung cấp dịch vụ hoàn

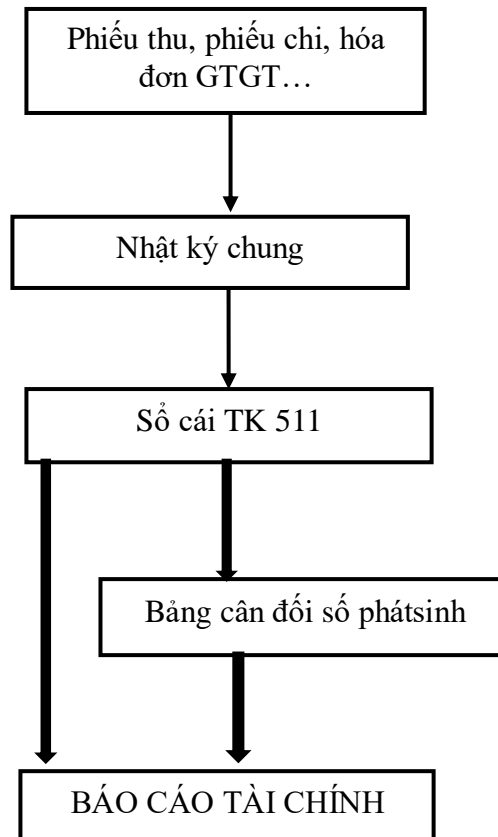
thành, kế toán sẽ lập bảng kê chi tiết cước vận tải đồng thời lập hóa đơn GTGT về cung cấp dịch vụ.

- Hóa đơn GTGT được lập thành 3 liên:

+ Liên 1: Màu tím, lưu tại cuống góc để tại phòng kế toán.

+ Liên 2: Màu đỏ, chuyển cho khách hàng

+ Liên 3: Màu xanh, giao cho kế toán hạch toán nghiệp vụ bán hàng.



Ghi hàng ngày:

Ghi cuối tháng:

Sơ đồ 2.4: Quy trình ghi sổ kế toán doanh thu tại Công ty cpdv Vận Tải Thành An Phát

2.2.1.5 Ví dụ minh họa

VD1: Từ bảng kê cước vận chuyển số 94/SS-VP ngày 28/11/2017 kế toán lập hóa đơn 0000312 ngày 28/11/2017 công ty vận chuyển cho công ty TNHH Hoa Phượng một lô hàng gồm 03 con đến Từ Liêm, Hà Nội với giá 16.350.000 (chưa bao gồm VAT). Khách hàng chưa thanh toán.

Kế toán định khoản như sau:

Nợ TK 131: 17.985.000

Có TK 511: 16.350.000

Có TK 3331: 1.635.000

Biểu 2.1: Bảng kê cước vận chuyển

BẢNG KÊ CƯỚC VẬN CHUYỂN SỐ 94/ SS-VP NGÀY 29/11/2017
(Kèm hóa đơn GTGT số 0000312 ngày 30 tháng 11 năm 2017)

STT	Ngày tháng	Tên hàng hóa, dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn Giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6	7=6x5
1	28/11/2017	Từ Liêm, Hà Nội	Chuyến	1	5.450.000	5.450.000
2	28/11/2017	Từ Liêm, Hà Nội	Chuyến	1	5.450.000	5.450.000
3	28/11/2017	Từ Liêm, Hà Nội	Chuyến	1	5.450.000	5.450.000
Tổng				3		16.350.000
VAT						1.635.000
Tổng cộng						17.985.000

Số tiền bằng chữ: Mười bảy triệu chín trăm tám mươi năm nghìn đồng chẵn.

Biểu 2.2: Hóa đơn GTGT số000312

HÓA ĐƠN				Mẫu số: 01GTKT3/001 Kí hiệu: AA/17P Số: 0000312	
GIÁ TRỊ GIA TĂNG					
Liên 3: Nội bộ					
Ngày 28 tháng 11 năm 2017					
Đơn vị bán hàng: CÔNG TY CPDV VẬN TẢI THÀNH AN PHÁT					
Mã số thuế 0201728857					
Địa chỉ: 33b/170/thiên lôi /vĩnh niệM/lê chân /hảiphòng					
Điện thoại: 0313711037 Số tài khoản: 2087040286772 tại ngân hàng PB chi nhánh hải phòng					
Họ và tên người mua hàng: Nguyễn Thị Mai Hạnh					
Đơn vị: Công ty TNHH Hoa Phượng					
Mã số thuế: 0104625711					
Địa chỉ: Số nhà 84, phố Phú Viên - Phường Bồ Đề - Quận Long Biên - Hà Nội					
Hình thức thanh toán: CK Số tài khoản: 107868543455 tại ngân hàng Vietinbank					
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6=4x5
1	Cước vận chuyển hàng hóa (kèm theo bảng kê 28 /11/2017)	Chuyến	03	5.450.000	16.350.000
Cộng tiền hàng:					16.350.000
Thuế suất: 10%		Thuế GTGT:			1.635.000
Tổng cộng tiền thanh toán:					17.985.000
Số tiền viết bằng chữ: Mười bảy triệu chín trăm tám mươi lăm nghìn đồng chẵn.					
Người mua hàng <i>(Kí, ghi rõ họ tên)</i>		Người bán hàng <i>(Kí, ghi rõ họ tên)</i>		sThủ trưởng đơn vị <i>(Kí, đóng dấu, ghi rõ họ tên)</i>	

VD2: Từ bảng kê cước vận chuyển số 96/SS-VP ngày 02/12/2017 kế toán lập hóa đơn 0000314 ngày 02/12/2017 công ty vận chuyển cho công ty TNHH sản xuất dịch vụ và thương mại Huy Hoàng một lô hàng gồm 05 cont đến Đông Anh, Hà Nội với giá 27.250.000 (chưa bao gồm VAT). Khách hàng đã thanh toán bằng chuyển khoản.

Kế toán định khoản như sau:

Nợ TK 112: 29.975.000

Có TK 511: 27.250.000

Có TK 3331: 2.725.000

Biểu 2.3: Bảng kê cước vận chuyển

BẢNG KÊ CƯỚC VẬN CHUYỂN SỐ 96/SS-VP NGÀY 03/12/2017

(Kèm hóa đơn GTGT số 0000314 ngày 02 tháng 12 năm 2017)

STT	Ngày tháng	Tên hàng hóa, dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn Giá	Thành tiền
<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>	<i>6</i>	<i>7=6x5</i>
1	02/12/2017	Đông Anh, Hà Nội	Chuyến	1	5.450.000	5.450.000
2	02/12/2017	Đông Anh, Hà Nội	Chuyến	1	5.450.000	5.450.000
3	02/12/2017	Đông Anh, Hà Nội	Chuyến	1	5.450.000	5.450.000
4	02/12/2017	Đông Anh, Hà Nội	Chuyến	1	5.450.000	5.450.000
5	02/12/2017	Đông Anh, Hà Nội	Chuyến	1	5.450.000	5.450.000
Tổng				5		27.250.000
VAT						2.725.000
Tổng cộng						29.975.000

Số tiền bằng chữ: hai mươi chín triệu, chín trăm bảy mươi năm nghìn đồng

Biểu 2.4: Hóa đơn GTGT số 0000314

**HÓA ĐƠN
GIÁ TRỊ GIA TĂNG**

Liên 3: Nội bộ
Ngày 02 tháng 12 năm 2017

Mẫu số: 01GTKT3/001
Kí hiệu: AA/17P
Số: **0000314**

Đơn vị bán hàng: **CÔNG TY CPDV VẬN TẢI THÀNH AN PHÁT**

Mã số thuế : 0201627344

Địa chỉ: 33b/170/thiên lôi /vĩnh niệm/lê chân /hải phòng

Điện thoại: 0313711037 Số tài khoản : 2087040286772 PGB chi nhánh hải phòng

Họ và tên người mua hàng: Hoàng Văn Liên

Đơn vị: Công ty TNHH sản xuất dịch vụ và thương mại Huy Hoàng

Mã số thuế: 0101474165

Địa chỉ: Thôn Gia Quất, Phường Ngọc Thụy, Quận Long Biên, Thành Phố Hà Nội

Hình thức thanh toán: CK Số tài khoản: 109786593688 tại ngân hàng Vietinbank

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6=4x5
1	Cước vận chuyển hàng hóa (kèm theo bảng kê 2/12/2017)	Chuyến	05	5.450.000	27.250.000
Cộng tiền hàng:					27.250.000
Thuế suất: 10% Thuế GTGT:					2.725.000
Tổng cộng tiền thanh toán:					29.975.000
Số tiền viết bằng chữ: hai mươi chín triệu chín trăm bảy mươi năm nghìn đồng					
Người mua hàng (Kí, ghi rõ họ tên)		Người bán hàng (Kí, ghi rõ họ tên)		Thủ trưởng đơn vị (Kí, đóng dấu, ghi rõ họ tên)	

Biểu 2.5: Giấy báo có của ngân hàng ACB ngày 2/12/2017

Ngân hàng PG chi nhánh
hải phòng

GIẤY BÁO CÓ
Ngày: 2/12/2017

Mã GDV
Mã KH

Kính gửi: Công Ty cpdv Vận Tải Thành An Phát

Mã số thuế:: 0201627344

Hôm nay chúng tôi xin báo đã ghi CÓ tài khoản của quý khách hàng với nội dung như sau:

Số tài khoản ghi CÓ:2087040286772

Số tiền bằng số: 29.975.000 vnđ

Số tiền bằng chữ: hai mươi chín triệu chín trăm bảy năm nghìn đồng chẵn

Nội dung: ## Công ty TNHH sản xuất dịch vụ và thương mại Huy Hoàng thanh toán tiền cước vận chuyên theo HĐ 0000314 ##

Giao dịch viên

Kiểm soát

Biểu 2.6: Nhật ký chung

Công Ty Cpdv Vận Tải Thành An Phát
 ĐC:33b/170/Thiên Lô/Vĩnh Niệm /Lê Chân/
 Hải Phòng

Mẫu số S03a - DNN
 (Ban hành theo TT 133/2016/TT-BTC
 Ngày 26/8/2016 của Bộ tài chính)

NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2017

Đơn vị tính: Đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK		Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng		Nợ	Có	Nợ	Có
...
28/11	HD 0000312	28/11	Cước vận chuyển cho công ty Hoa Phượng	131		17.985.000	
					511		16.350.000
					3331		1.635.000
30/11	HD 0000313	30/11	Cước vận chuyển cho Công ty Thành Hưng	131		64.350.000	
					511		58.500.000
					3331		5.850.000
...
02/12	HD 0000314 GBC031 2	02/12	Cước vận chuyển cho Huy Hoàng	112		29.975.000	
					511		27.250.000
					3331		2.725.000
...
04/12	PT095 HD317	04/12	Cước vận chuyển cho Thái Hà	111		6.005.000	
					511		5.450.000
					3331		555.000
...
			Cộng phát sinh			48.326.726.479	48.326.726.479

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

Người ghi sổ
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(Ký, ghi rõ họ tên)

Biểu 2.7: Sổ cái TK 511

Công Ty Cpdv Vận Tải Thành An Phát
 ĐC:33b/170/Thiên Lôi/Vịnh Niệm /Lê Chân/
 Hải Phòng

Mẫu số S03b - DNN
 (Ban hành theo TT 133/2016/TT-BTC
 Ngày 26/8/2016 của Bộ tài chính)

SỔ CÁI

Năm 2017

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Số hiệu: 511

Đơn vị tính: Đồng

Chứng từ			Diễn giải	Số hiệu TK ĐƯ	Số tiền	
Ngày tháng ghi sổ	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			Số dư đầu kì			
			Số phát sinh			

28/11	HĐ312	28/11	Cước vận chuyển cho công ty Hoa Phượng	131		16.350.000
29/11	HĐ313	29/11	Cước vận chuyển cho Công ty Thành Hưng	131		58.500.000

02/12	HĐ314	03/12	Cước vận chuyển cho Huy Hoàng	112		27.250.000

04/12	HĐ317	04/12	Cước vận chuyển cho cty Thái Hà	111		5.450.000

31/12	PKT 31	31/12	Kết chuyển doanh thu cung cấp dịch vụ	911	5.965.080.227	
			Cộng số phát sinh		5.965.080.227	5.965.080.227
			Số dư cuối kì			

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

Người ghi sổ
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(Ký, ghi rõ họ tên)

2.2.2 Kế toán giá vốn hàng bán:

2.2.2.1 Nội dung giá vốn hàng bán

Do đặc điểm của ngành dịch vụ nói chung và dịch vụ vận tải nói riêng, quá trình sản xuất tương đối giản đơn, không trải qua nhiều công đoạn phức tạp trong quá trình sản xuất gắn liền với quá trình tiêu thụ nên không có sản phẩm dở dang cuối kỳ chuyển sang kỳ tiếp theo.

Công ty tính giá thành theo phương pháp giản đơn. Theo phương pháp này tổng chi phí sản xuất phát sinh trong kỳ bằng tổng giá thành dịch vụ cung cấp trong kỳ. Do đó tại công ty CP Dịch vụ Tải Thành An Phát toàn bộ chi phí phát sinh liên quan đến hoạt động vận tải như xăng, tiền lương lái xe, khấu hao xe,... đều được tập hợp và hạch toán vào TK 154, cuối kỳ kết chuyển sang TK 632 để xác định giá vốn.

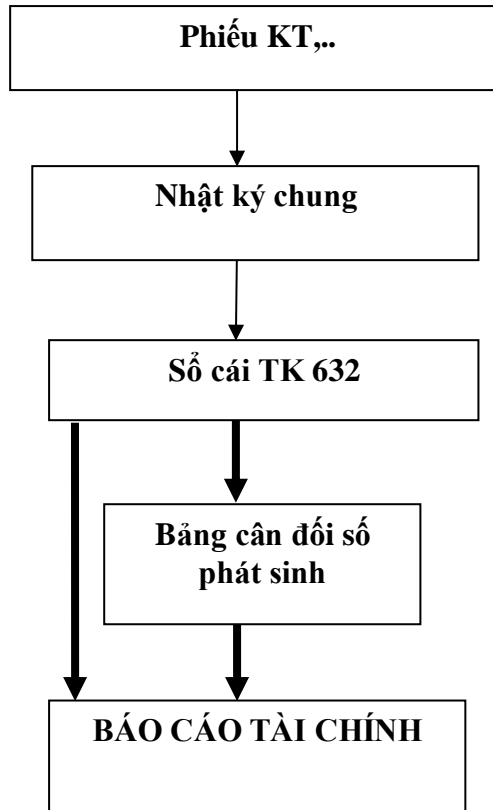
2.2.2.2 Chứng từ sử dụng

- Phiếu xuất kho;
- Bảng kê các chi phí
- Các chứng từ khác có liên quan.

2.2.2.3 Tài khoản sử dụng

- TK 154: chi phí SX KDDD
- TK 632: giá vốn hàng bán
- TK 111, 112...

2.2.2.4 Quy trình hạch toán



Sơ đồ 2.5: Quy trình hạch toán giá vốn hàng bán tại Công ty

Ghi chú:

Ghi hàng ngày: \longrightarrow

Ghi cuối tháng: \longrightarrow

2.2.2.5 Ví dụ minh họa

Trong kỳ khi phát sinh các khoản chi phí liên quan đến hoạt động vận tải thì kế toán lập bảng kê các chi phí phát sinh theo mỗi hợp đồng vận tải như xăng, phí cầu đường,.. sau đó căn cứ vào chứng từ gốc kế toán ghi vào Nhật Ký chung, từ Nhật ký chung vào sổ cái TK 154. Cuối kỳ căn cứ vào số liệu trên sổ cái TK 154 kế toán lập phiếu kế toán 31 để thực hiện bút toán kết chuyển giá thành dịch vụ sang TK 632.

Biểu 2.8: Phiếu chi 91

PHIẾU CHI		Mẫu số 02 - TT		
Ngày 2 tháng 11 năm 2017		(Ban hành theo TT133/2016/TT-BTC Ngày 26/8/2016 của Bộ tài chính)		
Họ và tên người nhận tiền: Vũ Minh Chiến		Số: PC 91		
Địa chỉ: Công ty CP Dịch vụ Tải Thành An Phát		Nợ TK: 154; 1331		
Lý do chi: Thanh toán mua ắc quy quy GS N200EC(12v-200AH)		Có TK: 111		
Số tiền :5.850.363 đồng				
Bằng chữ: .Năm triệu tám trăm năm mươi nghìn ba trăm Sáu mươi ba đồng				
Kèm theo: chứng từ kế toán				
Đã nhận đủ số tiền: : Năm triệu tám trăm năm mươi nghìn ba trăm sáu mươi ba đồng				
Bằng chữ: Năm triệu tám trăm năm mươi nghìn ba trăm sáu mươi ba đồng				
Ngày 2 tháng 11 năm 2017				
Thủ trưởng đơn vị	Kế toán trưởng	Người lập phiếu	Người nhận	Thủ quỹ
<i>(Ký, đóng dấu)</i>	<i>(Ký)</i>	<i>(Ký)</i>	tiền	<i>(Ký)</i>
			<i>(Ký)</i>	

Biểu 2.9: Nhật ký chung

Công Ty Cpdv Vận Tải Thành An Phát
 ĐC:33b/170/Thiên Lô/Vịnh Niệm /Lê Chân/
 Hải Phòng

Mẫu số S03a - DNN
 (Ban hành theo TT 133/2016/TT-BTC
 Ngày 26/8/2016 của Bộ tài chính)

NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2017

Đơn vị tính: Đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK		Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng		Nợ	Có	Nợ	Có
...
02/11	PC91	02/11	MuaẮc quy GS N200EC(12v-200AH)	154		5.850.363	
				133		585.036	
					111		6.435.399
02/11	PC92	02/11	Mua bảo hiểm cho xe PROSTTA 19382	154		2.203.000	
				133		220.300	
					111		2.423.300
...
31/12	PKT31	31/12	Kết chuyển giá thành dịch vụ sang TK 632	632		5.094.849.428	
					154		5.094.849.428
...
31/12	PKT33	31/12	Kết chuyển giá vốn xác định kết quả kinh doanh	911		5.094.849.428	
					632		5.094.849.428
...
			Cộng phát sinh			48.326.726.479	48.326.726.479

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

Người ghi sổ
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(Ký, ghi rõ họ tên)

Biểu 2.10: Sổ cái TK 154

Công Ty Cpdv Vận Tài Thành An Phát
 ĐC:33b/170/Thiên Lôi/Vịnh Niệm /Lê Chân/
 Hải Phòng

Mẫu số S03b - DNN
 (Ban hành theo TT 133/2016/TT-BTC
 Ngày 26/8/2016 của Bộ tài chính)

SỔ CÁI

Năm 2017

Loại TK: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang

Số hiệu: 154

Đơn vị tính: Đồng

Chứng từ			Diễn giải	Số hiệu TK ĐƯ	Số tiền	
Ngày tháng ghi sổ	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ			
			Số phát sinh			
			...			
02/11	PC91	02/11	Mua Ấc quy GS N200EC(12v-200AH)	111	5.850.363	
02/11	PC92	02/11	Mua bảo hiểm cho xe PROSTAR-19382	111	2.203.000	

31/12	BPBKH 12	31/12	Trích khấu hao tháng 12	214	100.670.886	
31/12	PKT 31	31/12	Kết chuyển giá thành dịch vụ sang TK 632	632		5.094.849.428
			Cộng số phát sinh		5.094.849.428	5.094.849.428
			Số dư cuối kỳ			

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

Người ghi sổ
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(Ký, ghi rõ họ tên)

Biểu 2.11:Phiếu kế toán

Công Ty Cpdv Vận Tải Thành An Phát

ĐC:33b/170/Thiên Lôi/Vịnh Niệm /Lê Chân/

Hải Phòng

PHIẾU KẾ TOÁN

31/12/2017

Số 31

Stt	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền
1	K/C giá thành dịch vụ sang TK 632	632	154	5.094.849.428
	Cộng			5.094.849.428

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

Người ghi sổ

(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc

(Ký, ghi rõ họ tên)

Biểu 2.12: Sổ cái TK 632

Công Ty Cpdv Vận Tải Thành An Phát
 ĐC:33b/170/Thiên Lôi/Vịnh Niệm /Lê Chân/
 Hải Phòng

Mẫu số S03b - DNN
 (Ban hành theo TT 133/2016/TT-BTC
 Ngày 26/8/2016 của Bộ tài chính)

SỔ CÁI

Năm 2017

Loại TK: Giá vốn hàng bán

Số hiệu: 632

Đơn vị tính: Đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TKĐƯ	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			Số dư đầu kì			
			Số phát sinh			
31/12	PKT 31	31/12	Kết chuyển giá thành dịch vụ sang TK 632	154	5.094.849.428	
31/12	PKT 33	31/12	Kết chuyển giá vốn xác định kết quả kinh doanh	911		5.094.849.428
			Cộng số phát sinh		5.094.849.428	5.094.849.428
			Số dư cuối kì			

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

Người ghi sổ
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(Ký, ghi rõ họ tên)

2.2.3 Kế toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính

2.2.3.1 Nội dung doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính

- Doanh thu hoạt động tài chính của Công ty bao gồm các khoản như tiền lãi gửi Ngân hàng;

- Chi phí tài chính: năm 2017 tại công ty CP Dịch vụ Tài Thành An Phát không phát sinh khoản chi phí tài chính nào.

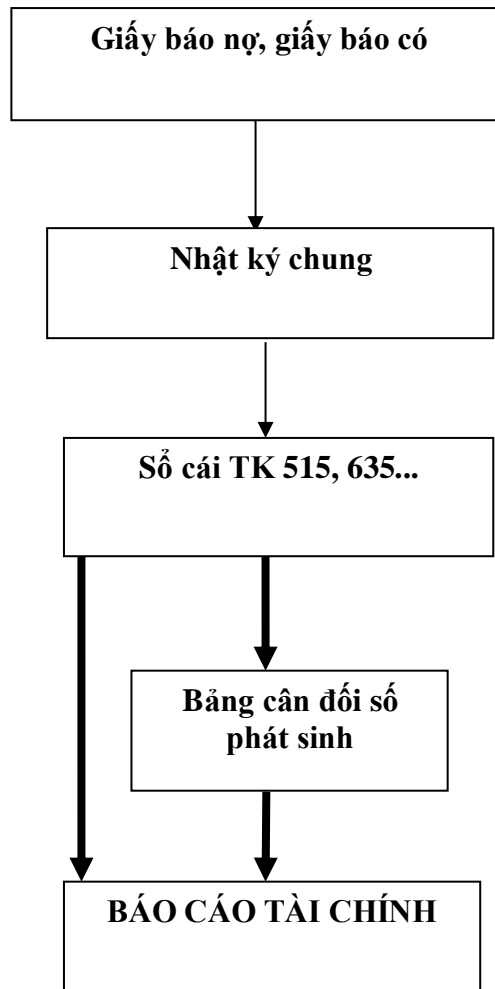
2.2.3.2 Chứng từ sử dụng

- ✓ Phiếu trả lãi tài khoản;
- ✓ giấy báo có;
- ✓ Các chứng từ khác có liên quan...

2.2.3.3 Tài khoản sử dụng

- TK 515: Doanh thu hoạt động tài chính
 - TK 635: Chi phí tài chính
 - TK 112: Tiền gửi ngân hàng
- Và các tài khoản khác có liên quan

2.2.3.4 Quy trình hạch toán



Sơ đồ 2.6: Quy trình hạch toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính tại Công ty

Ghi chú:

Ghi hàng ngày: \longrightarrow

Ghi cuối tháng: \longrightarrow

2.2.3.5 Ví dụ minh họa

VD: Ngày 24/12/2017 Ngân Hàng PG gửi giấy báo có thông báo về việc nhận lãi tiền gửi với số tiền: 101.239 đồng.

Kế toán định khoản như sau:

Nợ TK 112: 101.239

Có Tk 515: 101.239

Biểu 2.13: Giấy báo có

Ngân hàng TMCP Xăng
Dầu Petrolimex (PG Bank),
Chi nhánh :PGB chi nhánh
hải phòng

GIẤY BÁO CÓ
Ngày: 24/12/2017

Mã GDV
Mã KH

Kính gửi: Công ty CPDV Vận Tải Thành An Phát
Mã số thuế:: 0201627344

Hôm nay chúng tôi xin báo đã ghi CÓ tài khoản của quý khách hàng với nội dung như sau:

Số tài khoản ghi CÓ:2087040286772

Số tiền bằng số: 101.239

Số tiền bằng chữ:một trăm linh một nghìn hai trăm ba mươi chín nghìn đồng chẵn

Nội dung: ##Lãi nhập vốn##

Giao dịch viên

Kiểm soát

Biểu 2.14: Nhật ký chung

Công Ty Cpdv Vận Tải Thành An Phát
 ĐC:33b/170/Thiên Lôi/Vịnh Niệm /Lê Chân/
 Hải Phòng

Mẫu số S03a - DNN
 (Ban hành theo TT133/2016/TT-BTC
 Ngày 26/8/2016 của Bộ tài chính)

NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2017

Đơn vị tính : Đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK		Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng		Nợ	Có	Nợ	Có
		
2/11	PC91	01/11	Mua Ấc quy GSN200E(12V-200AH)	154		5.850.363	
				133		585.036	
					111		6.435.399
2/11	PC92	01/11	Mua bảo hiểm cho xe PROSTA-19382	154		2.203.000	
				133		220.300	
					111		2.423.300
...
02/12	HD 314 GBC03 12	02/12	Cước vận chuyển cho Huy Hoàng	112		29.975.000	
					511		27.250.000
					3331		2.725.000
...
24/12	GBC 2512	24/12	Nhận lãi tiền gửi từ PGB tháng 12	112		101.239	
					515		101.239
...
31/12	PKT32	31/12	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính	515		1.627.363	
					911		1.627.363
			
			Cộng phát sinh			48.326.726.479	48.326.726.479

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

Biểu 2.15: Sổ cái TK 515

Công Ty Cpdv Vận Tải Thành An Phát
 ĐC:33b/170/Thiên Lôi/Vĩnh Niệm /Lê Chân/
 Hải Phòng

Mẫu số S03b - DNN
 (Ban hành theo TT133/2016/TT-BTC
 Ngày 26/8/2016 của Bộ tài chính)

SỔ CÁI

Năm 2017

Loại TK: Doanh thu hoạt động tài chính

Số hiệu: 515

Đơn vị tính: Đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TKĐ U	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ			
			Số phát sinh			

24/11	GBC 2511	24/11	Nhận lãi tiền gửi từ PGB tháng 11	112		131.254
24/12	GBC 2512	24/12	Nhận lãi tiền gửi từ PGB tháng 12	112		101.239

31/12	PKT32	31/12	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính 2017	911	1.627.363	
			Cộng số phát sinh		1.627.263	1.627.363

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

Người ghi sổ
 (Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
 (Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
 (Ký, ghi rõ họ tên)

.2.4 Kế toán chi phí quản lý kinh doanh

2.2.4.1 Nội dung chi phí quản lý kinh doanh

Tại Công ty CPDV Vận Tải Thành An Phát chi phí quản lý kinh doanh bao gồm chi phí về lương nhân viên văn phòng, chi phí khấu hao TSCĐ, chi phí về đồ dùng văn phòng...

2.2.4.2 Chứng từ sử dụng

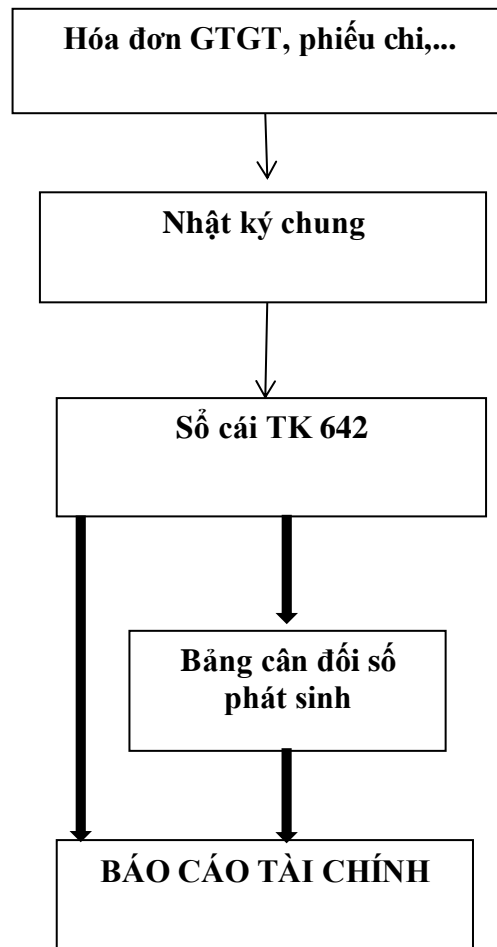
- ✓ Hóa đơn GTGT;
- ✓ Phiếu chi, giấy báo nợ ngân hàng;
- ✓ Bảng phân bổ tiền lương;
- ✓ Bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ;
- ✓ Các chứng từ khác có liên quan..

2.2.4.3 Tài khoản sử dụng

- TK 642: Chi phí quản lý kinh doanh
- Các TK khác liên quan như: TK 111, 112, 131...

2.2.4.4 Quy trình hạch toán

Quy trình hạch toán được mô tả như sau:



Sơ đồ 2.7: Quy trình hạch chi phí quản lý kinh doanh tại Công ty

Ghi chú:

Ghi hàng ngày: —————→

Ghi cuối tháng: —————→

2.2.4.5 Ví dụ minh họa

VD1: Ngày 11/11 công ty thanh toán tiền nước uống tinh khiết cho Văn phòng công ty quý 3/2017 bằng tiền mặt cho công ty TNHH Mai Trường Hiếu. Gồm 73 bình 19 lít đơn giá 20.000đ/ bình (chưa VAT).

Nợ TK 642: 1.460.000

Nợ TK 133: 146.000

Có TK 111: 1.606.000

Biểu 2.16: Hóa đơn GTGT số 00000035

Công Ty Cpdv Vận Tải Thành An Phát ĐC:33b/170/Thiên Lôi/Vĩnh Niệm /Lê Chân/ Hải Phòng		HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG Liên 2: Giao người mua Ngày 11 tháng 11 năm 2017		Mẫu số: 01GTKT3/001 Kí hiệu: AA/17P Số: 00000035	
Đơn vị bán hàng: công ty TNHH Mai Trường Hiếu. Mã số thuế :0200154852					
Địa chỉ: số 9 Trục cát /vĩnh Niệm / Quận Lê Chân/ Hải Phòng Số tài khoản : 8856593Tại ngân hàng Á Châu – Hải Phòng Điện thoại : (031)3740377 Fax: 0203789079 Họ và tên người mua hàng: Nguyễn Kim Hoàn Đơn vị: Công ty CPDV Vận Tải Thành An Phát Mã số thuế: 0201627344 Địa chỉ:33b/170/thiên lôi/q.Lê Chân,/ tp.Hải Phòng Hình thức thanh toán: TM Số tài khoản:208704028677 tại ngân hàng PG Hải Phòng					
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6=4x5
1	Nước uống tinh khiết quý 3/2017	Bình	72	20.000	1.460.000
Cộng tiền hàng:					1.460.000
Thuế suất: 10%		Thuế GTGT:			146.000
Tổng cộng tiền thanh toán:					1.606.000
Số tiền viết bằng chữ: Một triệu Sáu trăm linh sáu nghìn đồng chẵn					
Người mua hàng (Kí, ghi rõ họ tên)		Người bán hàng (Kí, ghi rõ họ tên)		Thủ trưởng đơn vị (Kí, đóng dấu, ghi rõ họ tên)	

Biểu 2.17: Phiếu chi 121

PHIẾU CHI

Ngày 11 tháng 11 năm 2017

Mẫu số 02 - TT

(Ban hành theo TT133/2016/TT-BTC
Ngày 26/8/2016 của Bộ tài chính)

Họ và tên người nhận tiền: Vũ Minh Chiến

Số: PC121

Địa chỉ: Công ty CP Dịch vụ Tải Thành An Phát

Nợ TK: 642; 1331

Lý do chi: Thanh toán nước uống tinh khiết quý 3 năm 2017

Có TK: 111

Số tiền: 1606.000 đồng

Bằng chữ: Một triệu Sáu trăm linh sáu nghìn chẵn

Kèm theo: chứng từ kế toán

Đã nhận đủ số tiền: một triệu sáu trăm linh sáu nghìn đồng chẵn

Ngày 11 tháng 11 năm 2017

Thủ trưởng đơn vị	Kế toán trưởng	Người lập phiếu	Người nhận	Thủ quỹ
<i>(Ký, đóng dấu)</i>	<i>(Ký)</i>	<i>(Ký)</i>	tiền	<i>(Ký)</i>
			<i>(Ký)</i>	

Biểu 2.18: Trích sổ nhật ký chung

Công Ty Cpdv Vận Tải Thành An Phát

ĐC:33b/170/Thiên Lô/Vĩnh Niệm /Lê Chân/ Hải Phòng

Mẫu số 03 - TT

(Ban hành theo TT133/2016/TT-BTC Ngày 26/8/2016 của Bộ tài chính)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2017

Đơn vị tính: Đồng

NT ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK		Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày		Nợ	Có	Nợ	Có
....
11/11	PC 121	11/11	Thanh toán nước uống quý 3/2017	642		1.460.000	
				133		146.000	
					111		1.606.000
....
28/11	PC 132	28/11	Thanh toán cước điện thoại di động viettel	642		299.888	
				133		29.999	
					111		329.998
...
31/12	PKT 35	31/12	Kết chuyển chi phí quản lý kinh doanh 2017	911		855.522.263	
					642		855.522.263
....
			Cộng phát sinh			<u>48.326.726.479</u>	<u>48.326.726.479</u>

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

Người lập biểu

(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc

(Ký, ghi rõ họ tên)

Biểu 2.19: Sổ cái TK 642

Công Ty Cpdv Vận Tải Thành An Phát

ĐC:33b/170/Thiên Lôi/Vịnh Niệm

/Lê Chân/ Hải Phòng

Mẫu số S03b - DNN

(Ban hành theo TT133/2016/TT-BTC
Ngày 26/8/2016 của Bộ tài chính)

SỔ CÁI

Năm 2017

Loại TK: Chi phí quản lý kinh doanh

Số hiệu: 642

Đơn vị tính: Đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK ĐƯ	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ			

11/11	PC 121	11/11	Thanh toán nước uống quý 3/2017	111	146.000	

28/11	PC 132	28/11	Thanh toán cước điện thoại di động viettel	111	299.999	

31/12	PKT3 5	31/12	Kết chuyển chi phí quản lý kinh doanh 2017	911		685.522.263
			Cộng SPS		855.522.263	855.522.263
			Số dư cuối kỳ			

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

Người ghi sổ

(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc

(Ký, ghi rõ họ tên)

2.2.5 Kế toán thu nhập khác và chi phí khác

Tại công ty CPDV Vận Tải Thành An Phát trong năm 2017 không phát sinh khoản thu nhập khác và chi phí khác

2.2.6 Xác định kết quả kinh doanh

2.2.6.1 Nội dung của kết quả sản xuất kinh doanh tại công ty ----- -----CPDV Vận Tải Thành An Phát

Cuối năm kế toán tổng hợp số liệu từ các sổ sách kế toán có liên quan lập phiếu kế toán định khoản xác định kết quả kinh doanh

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh được xác định như sau:

$$\mathbf{KQKD = LNHD\text{SXKD} + LNHD\text{TC} + LNHD\text{ khác}}$$

Cụ thể:

$$\begin{aligned} \text{LNHD\text{SXKD}} &= \text{Doanh thu bán hàng} - \text{Giá vốn} - \text{Chi phí QL kinh doanh} \\ &= 6.965.088.337 - 5.094.849.428 - 685.522.263 \end{aligned}$$

$$= 184.716.606$$

$$\text{LNHD\text{TC}} = \text{Doanh thu TC} - \text{Chi phí TC}$$

$$= 1.627.363 - 0$$

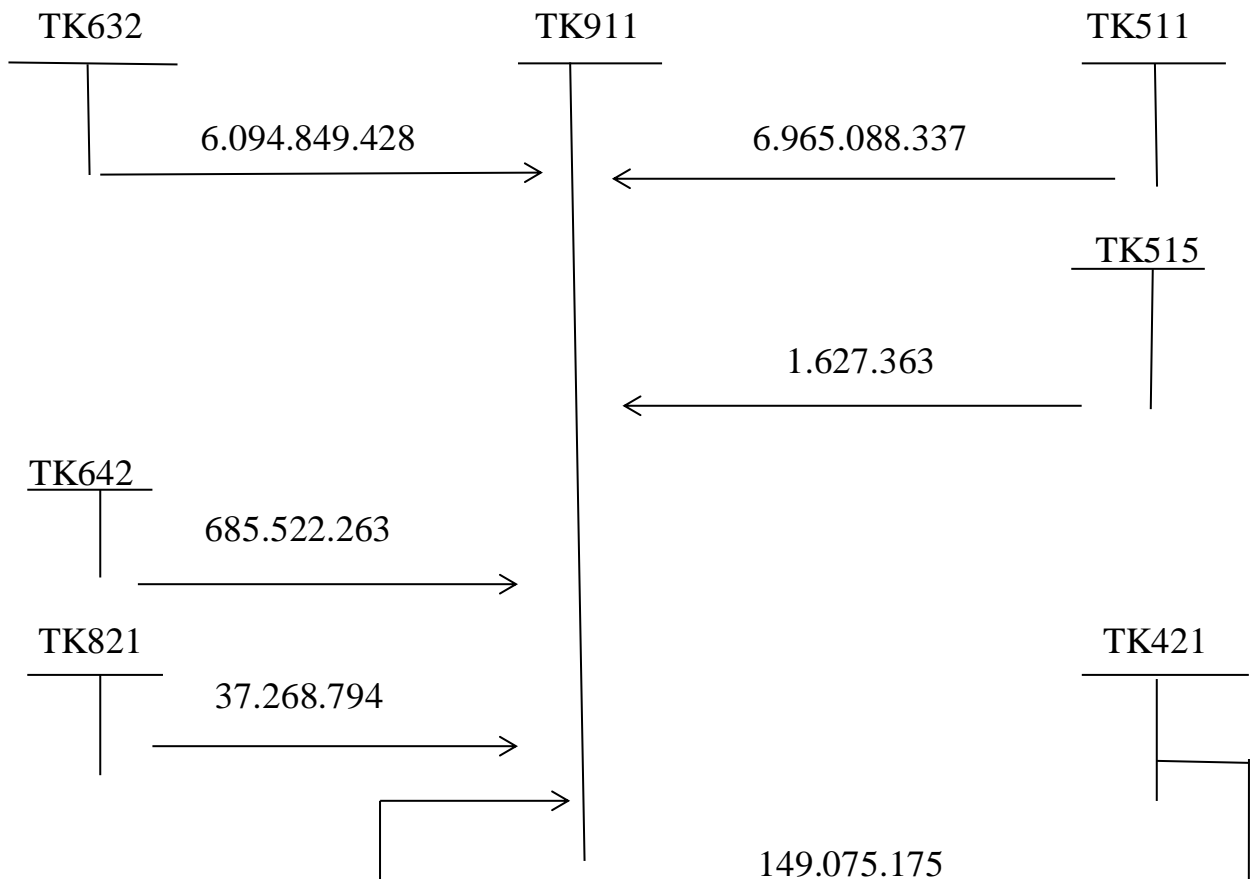
$$= 1.627.363$$

$$\text{KQKD} = 184.716.606 + 1.627.263$$

$$= 186.343.969$$

$$\text{Chi phí TNDN} = 37.268.794$$

$$\text{Lợi nhuận sau thuế} = 149.075.175$$



Sơ đồ 2.8: Sơ đồ kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2017

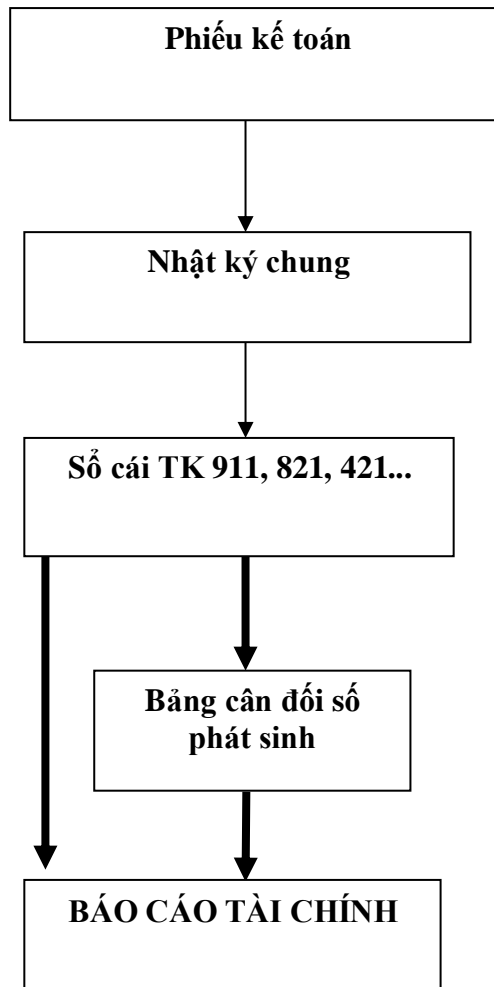
2.2.6.2 Chứng từ sử dụng

- Phiếu kế toán.

2.2.6.3 Tài khoản sử dụng.

- TK 911: Xác định kết quả kinh doanh.
- TK 821: Thuế thu nhập doanh nghiệp.
- TK 4212: Lợi nhuận chưa phân phối năm nay.

2.2.6.4 Quy trình hạch toán



Sơ đồ 2.9: Quy trình hạch toán xác định kết quả kinh doanh tại Công ty

Ghi chú:

Ghi hàng ngày:

Ghi cuối tháng:

2.2.6.5 Ví dụ minh họa

Ngày 31 tháng 12, kết chuyển doanh thu, chi phí để xác định kết quả kinh doanh của năm 2017

Biểu 2.20: Phiếu kế toán số 32

Công Ty CP Dịch Vụ Vận Tải Thành An Phát

ĐC:33b/170/Thiên Lôi/Vịnh Niệm /Lê Chân/ Hải Phòng

PHIẾU KẾ TOÁN

31/12/2017

Số 32

STT	Diễn giải	Tài khoản		Thành tiền
		Nợ	Có	
1	Kết chuyển doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	511	911	6.965.080.337
2	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính	515	911	1.627.363
	Cộng			6.966.715.700

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

Người ghi sổ

(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc

(Ký, ghi rõ họ tên)

Biểu 2.20: Phiếu kế toán số 33

Công Ty CP Dịch Vụ Vận Tải Thành An Phát
ĐC:33b/170/Thiên Lôi/Vịnh Niệm /Lê Chân/ Hải Phòng

PHIẾU KẾ TOÁN
 31/12/2017
 Số 33

STT	Diễn giải	Tài khoản		Thành tiền
		Nợ	Có	
1	Kết chuyển giá vốn hàng bán	911	632	6.094.849.428
2	Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp	911	642	685.522.263
	Cộng			6.780.371.691

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

Người ghi sổ **Kế toán trưởng** **Giám đốc**
(Ký, ghi rõ họ tên) *(Ký, ghi rõ họ tên)* *(Ký, ghi rõ họ tên)*

Biểu 2.21: Phiếu kế toán số 34

Công Ty CP Dịch Vụ Vận Tải Thành An Phát
ĐC:33b/170/Thiên Lôi/Vịnh Niệm /Lê Chân/ Hải Phòng

PHIẾU KẾ TOÁN
 31/12/2017
 Số 34

STT	Diễn giải	Tài khoản		Thành tiền
		Nợ	Có	
1	Xác định thuế TNDN phải nộp	821	3334	37.268.794
	Cộng			37.268.794

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

Người ghi sổ **Kế toán trưởng** **Giám đốc**
(Ký, ghi rõ họ tên) *(Ký, ghi rõ họ tên)* *(Ký, ghi rõ họ tên)*

Biểu 2.24: Trích nhật ký chung 2017

Công Ty CP Dịch Vụ Vận Tải Thành An Phát

Mẫu số S03a-DNN

ĐC:33b/170/Thiên Lôi/Vịnh Niệm /Lê Chân/ Hải Phòng

(Ban hành theo TT133/2016/TT-BTC
Ngày 26/8/2016 của Bộ tài chính)

NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2017

Đơn vị tính: Đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TKĐƯ		Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày, tháng		Nợ	Có	Nợ	Có
	
31/12	PKT 32	31/12	K/c Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	511		6.965.088.337	
					911		6.965.088.337
31/12	PKT 32	31/12	K/c Doanh thu hoạt động tài chính	515		1.627.363	
					911		1.627.363
31/12	PKT 33	31/12	K/c Giá vốn hàng bán	911		6.094.849.428	
					632		6.094.849.428
31/12	PKT 33	31/12	K/c Chi phí quản lý kinh doanh	911		685.522.263	
					642		685.522.263
31/12	PKT 34	31/12	Xác định thuế TNDN phải nộp	821		37.268.794	
					3334		37.268.794
31/12	PKT 35	31/12	K/c Chi phí thuế TNDN	911		37.268.794	
					821		37.268.794
31/12	PKT 36	31/12	Kết chuyển lãi	911		149.075.175	
					421		149.075.175
			Cộng phát sinh			48.326.726.489	48.326.726.489

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

Người ghi sổ
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(Ký, ghi rõ họ tên)

Biểu 2.25: Sổ cái TK 821

Công Ty CP Dịch Vụ Vận Tải Thành An Phát
ĐC:33b/170/Thiên Lôi/Vĩnh Niệm /Lê Chân/ Hải Phòng

Mẫu số S03b-DNN
 (Ban hành theo TT133/2016/TT-BTC
 Ngày 26/8/2016 của Bộ tài chính)

SỔ CÁI

Năm 2017

Loại TK: Chi phí thuế TNDN hiện hành

Số hiệu: 821

Đơn vị tính: Đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK ĐƯ	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			SDDK			
31/12	PKT 34	31/12	Xác định thuế TNDN phải nộp	3334	37.268.794	
31/12	PKT 35	31/12	Kết chuyển CP thuế TNDN	911		37.268.794
			Cộng phát sinh		37.268.794	37.268.794
			Số dư cuối năm		37.268.794	37.268.794

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

Người ghi sổ

(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc

(Ký, ghi rõ họ tên)

Biểu 2.26: Sổ cái TK 911

Công Ty CP Dịch Vụ Vận Tải Thành An Phát ĐC:33b/170/Thiên Lôi/Vịnh Niệm /Lê Chân/ Hải Phòng Mã số thuế : 0201728857				Mẫu số S03b-DNN (Ban hành theo TT133/2016/TT-BTC Ngày26/8/2016 của Bộ tài chính)		
<p>SỔ CÁI Năm 2017 Loại TK: Xác định kết quả kinh doanh Số hiệu: 911</p>						
Đơn vị tính: Đồng						
Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	SH TKĐƯ	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			Số phát sinh			
31/12	PKT32	31/12	Kết chuyển doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	511		6.965.088.337
31/12	PKT32	31/12	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính	515		1.627.263
31/12	PKT33	31/12	Kết chuyển giá vốn hàng bán	632	6.094.849.428	
31/12	PKT33	31/12	Kết chuyển chi phí QLKD	642	685.522.263	
31/12	PKT35	31/12	Kết chuyển chi phí thuế TNDN	821	37.268.794	
31/12	PKT36	31/12	Kết chuyển lãi	421	149.075.175	
			Cộng phát sinh		6.966.715.700	6.966.715.700
Ngày 31 tháng 12 năm 2017						
Người ghi sổ (Ký, ghi rõ họ tên)		Kế toán trưởng (Ký, ghi rõ họ tên)		Giám đốc (Ký, ghi rõ họ tên)		

Biểu 2.27: Sổ cái TK 421

Công Ty CP Dịch Vụ Vận Tải Thành An Phát
ĐC:33b/170/Thiên Lôi/Vịnh Niệm /Lê Chân/ Hải
Phòng

Mẫu số S03b-DNN
 (Ban hành theo TT133/2016/TT-BTC
 Ngày 26/8/2016 của Bộ tài chính)

SỔ CÁI

Năm 2017

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

Số hiệu: 421

Đơn vị tính: Đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	SH TKĐƯ	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			SĐĐK			236.478.950
31/12	PKT36	31/12	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	911		149.075.175
			Cộng phát sinh			149.075.175
			SDCK			385.554.125

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

Biểu 2.28: Báo cáo kết quả kinh doanh

Công Ty CP Dịch Vụ Vận Tải Thành An Phát ĐC:33b/170/Thiên Lôi/Vịnh Niệm /Lê Chân/ Hải Phòng			Mẫu số B02-DNN (Ban hành theo TT133/2016/TT-BTC Ngày 26/8/2016 của Bộ tài chính)		
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH Năm 2017					
STT	Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	A	B	C	1	2
1	.Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		6.965.088.337	7.531.717.479
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	02		0	0
3	Doanh thu thuần về cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		6.965.088.337	7.531.717.479
4	Giá vốn hàng bán	11		6.094.849.428	6.645.583.062
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		870.238.909	886.134.417
6	Doanh thu hoạt động Tài Chính	21		1.627.363	2.228.318
7	Chi phí tài chính	22		0	0
	-Trong đó: chi phí lãi vay	23		0	0
8	Chi phí quản lý kinh doanh	24		685.522.263	772.490.475
9	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 =20+21-22-24)	30		186.343.909	115.872.260
10	.Thu nhập khác	31		0	0
11	Chi phí khác	32		0	0
12	Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		0	0
13	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		186.343.909	115.872.260
14	Chi phí Thuế TNDN	51		37.268.794	23.174.452
15	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)	60		149.075.175	92.697.808

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

Người ghi sổ
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(Ký, ghi rõ họ tên)

CHƯƠNG 3

MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CP DỊCH VỤ VẬN TẢI THÀNH AN PHÁT

3.1. ĐÁNH GIÁ CHUNG VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TẠI CÔNG TY CP DỊCH VỤ TẢI THANH AN PHÁT

Trong nền kinh tế thị trường ngày nay, các doanh nghiệp chịu tác động không nhỏ đến từ những biến động của nền kinh tế. Vì vậy, một doanh nghiệp có thể tồn tại và phát triển được đòi hỏi nhà quản trị doanh nghiệp phải có những chiến lược kinh doanh đúng đắn. Để phục vụ cho công tác quản lý, các nhà quản trị đưa ra những quyết định chính xác góp phần nâng cao hiệu quả kinh doanh. Để làm được điều đó việc tổ chức bộ máy kế toán góp một phần không nhỏ. Trong thời gian thực tập tại công ty em nhận thấy công tác kế toán nói chung, công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng tại công ty có những ưu điểm, nhược điểm sau đây:

3.1.1. Ưu điểm

a. Đánh giá chung về công tác kế toán tại công ty

- Về bộ máy kế toán: công tác kế toán tại công ty được tổ chức theo mô hình tập trung, đảm bảo sự thống nhất trong quản lý. Các kế toán viên được phân công nhiệm vụ rõ ràng, phù hợp với chuyên môn của mình. Đội ngũ nhân viên kế toán là những người có kinh nghiệm, có chuyên môn cao, có tinh thần trách nhiệm với công việc được giao.

- Công ty tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng: phương pháp khấu hao này có ưu điểm là việc tính toán đơn giản, tổng mức khấu hao của TSCĐ được phân bổ đều đặn trong các năm sử dụng TSCĐ và không gây ra sự đột biến trong giá sản phẩm hàng năm.

- Công ty áp dụng hình thức Nhật ký chung để ghi sổ kế toán. Đây là hình thức kế toán đơn giản, dễ thực hiện, hệ thống sổ sách gọn nhẹ, thích hợp với mọi đơn vị hạch toán

b. Đánh giá về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty

- Về các chứng từ liên quan đến công tác hạch toán doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh: như hóa đơn GTGT, phiếu thu, phiếu chi, bảng chấm công, bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ, bảng phân bổ CCDC dài hạn được kế toán phân loại và tiến hành ghi sổ theo đúng nội dung phần hành kế toán, tạo điều kiện cho việc đưa ra các báo cáo tài chính chính xác, kịp thời: phục vụ đặc biệt cho công tác quản lý công ty.

- Về công tác kế toán doanh thu: mọi nghiệp vụ bán hàng đều được kế toán ghi nhận vào doanh thu một cách kịp thời, đầy đủ, chính xác về nội dung. Khi bán hàng, kế toán bán hàng tiến hành lập hóa đơn GTGT thành 3 liên, liên 1 lưu tại quyền, liên 2 giao cho khách hàng, liên 3 nội bộ làm căn cứ ghi sổ kế toán.

- Về công tác kế toán giá vốn: công ty hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên, tính giá xuất kho theo phương pháp bình quân gia quyền liên hoàn, với hoạt động kinh doanh vận tải giá vốn là toàn bộ chi phí phát sinh liên quan đến hoạt động vận tải...

- Về công tác xác định kết quả hoạt động kinh doanh tại công ty: do kế toán đã quản lý, theo dõi tốt những khoản doanh thu, chi phí đề cập ở trên vì thế công tác kế toán xác định kết quả hoạt động kinh doanh được thực hiện một cách dễ dàng, cung cấp cho giám đốc những thông tin kế toán chính xác kịp thời; qua đó nâng cao hiệu quả kinh doanh của công ty.

3.1.2. Một số mặt còn hạn chế trong công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty

Bên cạnh những ưu điểm đề cập ở trên, công ty CP Dịch Vụ Thành An Phát còn tồn tại những mặt hạn chế sau đây:

❖ Về việc sử dụng phần mềm vào công tác kế toán

Công ty TNHH CP Dịch vụ Tài Thành An Phát là một công ty với khối lượng chứng từ và công việc kế toán tương đối nhiều tuy nhiên công ty chưa sử dụng phần mềm kế toán vì thế không tạo được điều kiện thuận lợi nhất cho kế toán đưa ra những thông tin kế toán kịp thời, chính xác cho nhà quản trị.

❖ Về trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi

Là một doanh nghiệp vận tải nên quy mô các khoản phải thu khách hàng của công ty là khá lớn mà việc thanh toán của khách hàng còn chậm, thậm chí còn nhiều khách hàng nợ quá hạn. Vì vậy việc công ty không lập khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi để tránh những rủi ro là một hạn chế lớn của doanh nghiệp.

❖ Về việc luân chuyển chứng từ

Quá trình luân chuyển chứng từ giữa các phòng ban, bộ phận của công ty còn chậm trễ, chứng từ dồn lại và được chuyển đến phòng kế toán cùng một thời điểm, điều này gây ứ đọng, tăng khối lượng công việc cho kế toán, dễ gây ra những nhầm lẫn sai sót. Vì vậy công ty nên có những quy định về thời gian luân chuyển chứng từ trong năm hoặc trong một kỳ để việc hạch toán được khoa học, chính xác.

3.2 MỘT SỐ ĐỀ XUẤT NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CP DỊCH VỤ VẬN TẢI THÀNH AN PHÁT

3.2.1. Tầm quan trọng của việc hoàn thiện những hạn chế trong công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty

Trong xu thế phát triển của thế giới hiện nay cùng với quá trình hội nhập và quốc tế hóa, mở ra nhiều cơ hội cho các doanh nghiệp trong nước được giao lưu, buôn bán trao đổi với các doanh nghiệp nước ngoài. Không những thế nó cũng tạo ra những áp lực và thách thức đối với các doanh nghiệp trong nước, vì thế để có thể tồn tại và phát triển được các doanh nghiệp phải không ngừng vận động, mở rộng thị trường và việc hoàn thiện công tác quản lý sản xuất kinh doanh – một yếu tố quan trọng nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, đặc biệt là công tác kế toán trong doanh nghiệp.

Vì thế doanh nghiệp nên có những giải pháp giải quyết những hạn chế còn tồn tại trong công tác kế toán nói chung và công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả hoạt động kinh doanh nói riêng. Những mặt còn hạn chế trên liên quan đến công tác tập hợp chi phí sản xuất kinh doanh tại công ty vì thế nó ảnh hưởng rất lớn đến kết quả kinh doanh của doanh nghiệp.

3.2.2. Ý nghĩa của việc hoàn thiện những hạn chế trong công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả hoạt động kinh doanh

Đối với công ty nếu quản lý tốt các kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh sẽ giúp các nhà quản trị quản lý, theo dõi được tình hình tiêu thụ và sử dụng chi phí kinh doanh của toàn công ty. Từ đó công ty sẽ có những biện pháp để thúc đẩy tiêu thụ, kiểm soát chặt chẽ chi phí, xác định kết quả hoạt động kinh doanh một cách chính xác, phân phối thu nhập cho người lao động hợp lý, làm cho người lao động hăng say hơn trong lao động.

Đối với công tác kế toán, công tác kế toán doanh thu chi phí và xác định kết quả hoạt động kinh doanh là một phần quan trọng, nó thể hiện kết quả kinh

doanh cuối kỳ của doanh nghiệp vì thế việc hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả hoạt động kinh doanh sẽ giúp kế toán đưa ra những thông tin kế toán chính xác hơn và tạo niềm vui cho nhà quản trị khi sử dụng thông tin kế toán.

3.2.3. Nguyên tắc và điều kiện tiến hành hoàn thiện những hạn chế trong công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

Việc hoàn thiện những hạn chế cần dựa vào những nguyên tắc sau:

Nguyên tắc thống nhất

Đảm bảo sự thống nhất từ trung ương đến cơ sở.

Đảm bảo sự thống nhất giữa các chỉ tiêu mà kế toán phản ánh.

Đảm bảo sự thống nhất về chứng từ, tài khoản, sổ sách và phương thức hạch toán.

- ✓ Thực hiện đúng chế độ nhà nước
- ✓ Tiếp cận những chuẩn mực quốc tế phù hợp với điều kiện doanh nghiệp.
- ✓ Đảm bảo cung cấp chính xác, kịp thời về mọi mặt của hoạt động tài chính trong doanh nghiệp, phục vụ cho công tác quản trị doanh nghiệp.

3.2.4. Một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

Trong thời gian thực tập tại Công ty CP Dịch Vụ Vận Tải Thành An Phát em đã có cơ hội tiếp cận và đối chiếu giữa công tác kế toán thực tế với những lý thuyết được học ở trường. Em xin đưa ra một số đề xuất hoàn thiện những hạn chế còn tồn tại ở công ty như sau:

3.2.4.1 Hiện đại hóa công tác kế toán

Công ty nên sử dụng phần mềm kế toán để tạo điều kiện tốt nhất cho kế toán viên hoàn thành nhiệm vụ của mình và đưa ra những thông tin kế toán chính xác và kịp thời hơn. Trên thị trường ngày nay có rất nhiều phần mềm kế toán như:

*** Phần mềm kế toán MISA SME.NET 2017**

Công ty hiện đang thực hiện chế độ kế toán theo Quyết định 48 ban hành ngày 14/9/2006. Từ 2017 chuyển sang thông tư 133/2016/TT-BTC, phần mềm kế toán Misa 2017 có hỗ trợ doanh nghiệp làm theo thông tư 133/2016/TT-BTC.

MISA SME.NET 2017 là phần mềm kế toán dành cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ, đáp ứng đầy đủ các nghiệp vụ kế toán: quỹ, ngân hàng, mua hàng, bán hàng, quản lý hóa đơn, thuế, kho,...phù hợp triển khai cho doanh nghiệp thuộc mọi lĩnh vực: thương mại, dịch vụ, xây lắp, sản xuất.

Ưu điểm và nhược điểm của phần mềm kế toán MISA

Ưu điểm:

- Giao diện: Phần mềm kế toán Misa có ưu điểm là dễ sử dụng bởi giao diện trực quan và thân thiện với người dùng, những người mới bắt đầu sử dụng phần mềm cũng sẽ cảm thấy thoải mái, không nhức mắt, cho phép cập nhật dữ liệu như nhiều hóa đơn 1 phiếu chi một cách linh hoạt, các mẫu giấy tờ chứng từ tuân theo quy định ban hành.

- Điểm cộng: Phần mềm cho phép tạo nhiều cơ sở dữ liệu - mỗi đơn vị được thao tác trên một cơ sở dữ liệu khác nhau, độc lập. Một điểm cộng nữa là khả năng thao tác lưu, ghi sổ dữ liệu cực tốt,

- Độ chính xác cao: Có thể khẳng định rằng số liệu tính toán trong phần mềm MISA cực kỳ chính xác, khả năng xảy ra các sai sót bất thường do lỗi ở phần mềm là cực hiếm. Điều này giúp những người làm kế toán an tâm hơn nhiều so với các phương thức kế toán khác.

- Khả năng bảo mật: Công nghệ bảo mật dữ liệu rất cao, gần như tuyệt đối an toàn vì phần mềm Misa chạy trên cơ sở dữ liệu SQL, doanh nghiệp sẽ ít phải đau đầu về vấn đề này như các phần mềm kế toán chạy trên các nền tảng khác.

Nhược điểm:

- Vì có SQL nên MISA nên nếu máy tính cài đặt MISA QUÁ YẾU sẽ chạy ì ạch.

- Tốc độ xử lý dữ liệu hơi chậm.

>>> 2 nhược điểm trên hoàn toàn có thể khắc phục vì cấu hình máy tính nói chung hiện nay đã nâng lên rất nhiều so với ngày MISA mới xuất hiện trên thị trường. Và thực ra cấu hình đề nghị để chạy MISA cũng chỉ ở mức hơn các ứng dụng văn phòng đôi chút.

Giá : 8.950.000 đồng



Các tính năng nổi bật của phần mềm kế toán MISA

Tính năng phân tích tài chính

Đây có thể nói là một trong những tính năng nổi bật nhất của MISA – Tính năng này sẽ cung cấp nhiều hệ thống báo cáo, biểu đồ phân tích, giúp chủ doanh nghiệp có thể nắm bắt một cách nhanh chóng và chính xác tình hình tài chính, trái tim của Doanh nghiệp.

Phân mục quỹ tiền mặt

Nghiệp vụ quỹ tiền mặt trong MISA sẽ giúp kế toán viên theo dõi được toàn bộ tình hình thu, chi, tồn quỹ tiền mặt ... của doanh nghiệp. Từ đó tự động đối chiếu với Thủ quỹ công ty để kiểm kê, xử lý những chênh lệch có thể xảy ra.

Phân mục thủ quỹ

Mục “Thủ quỹ” trong phần mềm MISA có thể tự động đối soát Sổ quỹ với Sổ chi tiết tiền mặt để phát hiện và xử lý chênh lệch sau khi kiểm kê.

Phân mục ngân hàng

Mục “Ngân hàng” trong MISA có chức năng tự động đối soát Sổ quỹ với Sổ theo dõi Ngân hàng để kịp xử lý chênh lệch.

Phân mục mua hàng

Nhập hoá đơn, chứng từ mua hàng hoá dịch vụ, mua hàng qua kho, không qua kho, mua hàng nhập khẩu, hợp đồng, báo cáo phân tích Ngoài ra còn tự động phân bổ chi phí mua hàng, hải quan, hạch toán chiết khấu, theo dõi công nợ phải trả, ..., cực kỳ đa năng!

Phân mục bán hàng

Nhập hoá đơn, chứng từ bán hàng hoá dịch vụ, bán hàng xuất khẩu, hợp đồng, báo cáo phân tích Cho phép thiết lập bán hàng theo báo giá, hợp đồng, hàng có chiết khấu. Theo dõi công nợ theo từng giai đoạn, hóa đơn, khách hàng, tự động tính lãi nợ quá hạn.

Phân mục hóa đơn trong MISA

Hỗ trợ DN tạo mẫu, in và sử dụng hóa đơn theo thông tư 39/2014/TT-BTC. Theo dõi thông báo phát hành đối với tem, vé, phiếu nhập kho kiêm vận chuyển nội bộ Điều chỉnh lại thông tin trên hóa đơn đã phát hành, hủy hóa đơn, xử lý mất cháy hỏng hoá đơn ...

Phân mục kho

Nhập kho thành phẩm sản xuất, hàng bán bị trả lại, hàng mua đang đi đường, hàng không sử dụng hết, Xuất kho nguyên vật liệu cho hoạt động sản xuất, đầu tư, góp vốn, bán hàng, biếu tặng, gửi bán, lắp ráp, kiểm kê, Tự động đối soát giữa Sổ kho và Sổ chi tiết VTHH của Kế toán để phát hiện, xử lý chênh lệch sau khi kiểm kê.

Phân mục công cụ dụng cụ

Mua, xuất kho, thanh lý, điều chuyển, kiểm kê công cụ dụng cụ. Phân bổ chi phí CCDC theo từng đối tượng tập hợp chi phí, lập biên bản kiểm kê công cụ dụng cụ, và tự động xử lý chênh lệch sau khi kiểm kê.

Phân mục Tài sản cố định

Mua sắm, xuất kho, nhận góp vốn, tài trợ, biếu tặng, nhượng bán, đầu tư, đánh giá, khấu hao, điều chuyển, tất tần tật các nghiệp vụ liên quan tới tài sản cố định. Tự động tính khấu hao chi tiết đến từng tài sản cố định, ngoài ra còn phân bổ chi phí khấu hao cho từng bộ phận, phòng ban, đối tượng tập hợp chi phí. Cho phép lập biên bản kiểm kê tài sản cố định và tự động xử lý chênh lệch sau kiểm kê.

Phân mục hợp đồng

Theo dõi tiến độ các loại hợp đồng, chi tiết chi phí, doanh thu, công nợ và lãi lỗ theo từng hợp đồng, dự án.

Phân mục lương

Lập bảng chấm công, tính lương theo thời gian, sản phẩm... Tính lương cơ bản theo hệ số và mức lương tối thiểu hoặc tính lương cơ bản của nhân viên

Phân mục thuế

Tự động lập tờ khai thuế GTGT cùng các bảng phụ lục cho cả hai trường hợp nộp thuế theo trực tiếp hay khấu trừ. Xuất khẩu, nộp báo cáo thuế trực tiếp đến cơ quan thuế

Phân mục giá thành

Tính giá thành, sản phẩm dở dang, tự động phân bổ chi phí cho từng đối tượng.

- Giá thành theo phương pháp hệ số, tỷ lệ
- Giá thành theo phương pháp giản đơn
- Giá thành đơn hàng
- Giá thành hợp đồng
- Giá thành công trình/vụ việc

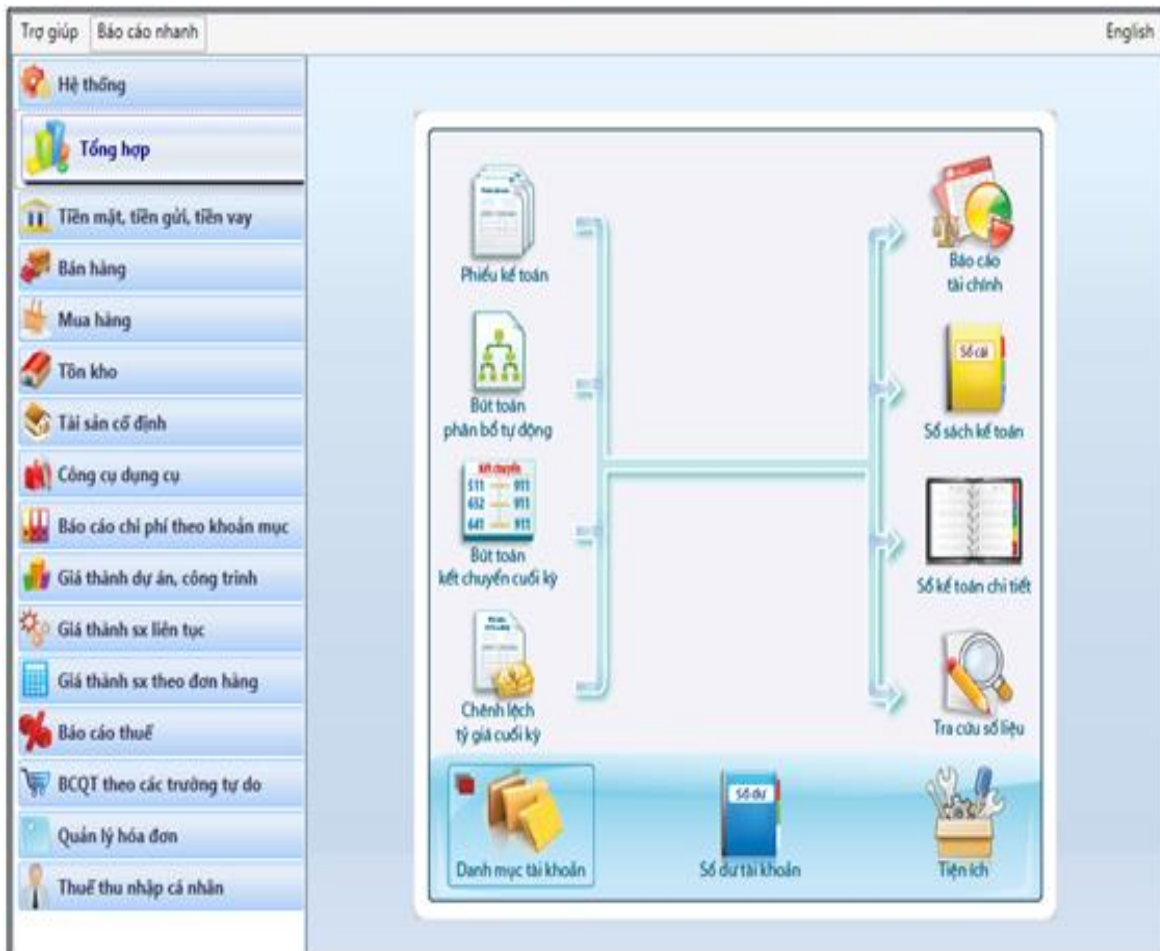
Phân mục ngân sách

Lập dự toán chi ngân sách, thống kê chi phí theo từng khoản mục chi phí khác nhau. Phân tích hiệu quả của việc quản lý chi phí của từng bộ phận, chi nhánh.

Phân mục tổng hợp

- Kết chuyển lãi lỗ, đánh giá tài khoản
- Lập chứng từ quyết toán tạm ứng
- Theo dõi và phân bổ chi phí trả trước
- Lập chứng từ ghi sổ, BCTC
- Phân bổ chi phí bán hàng, quản lý doanh nghiệp,

*** Phần mềm kế toán FAST Accounting 11**



Giá: 6.000.000 - 8.000.000

Chức năng:

Phần mềm Fast accounting (phiên bản 11) mang những tính năng nổi trội như có thể chạy trên mạng nhiều người sử dụng hoặc máy đơn lẻ, tự động hóa xử lý số liệu (tự động phân bổ chi phí mua hàng, tự động gán giá bán tùy theo sản phẩm..), quản lý số liệu liên năm giúp thuận lợi trong so sánh số liệu giữa các kỳ kế toán, quản lý số liệu của nhiều cơ sở, tiện ích khi nhập số liệu (có thể chuyển từ màn hình nhập số liệu này sang màn hình nhập số liệu khác chỉ bằng thao tác kích chuột phải, xem báo cáo trong khi đang nhập dữ liệu, giao diện bằng hai ngôn ngữ Anh và Việt..). Đây là dòng sản phẩm truyền thống của Fast và cũng là dòng sản phẩm được các doanh nghiệp dùng nhiều nhất.

Ưu điểm của phần mềm kế toán FAST:

- Giao diện dễ sử dụng, sổ sách chứng từ kế toán cập nhật và bám sát chế độ kế toán hiện hành. Cũng giống MISA, fast có một hệ thống báo cáo đa dạng, người dùng có thể yên tâm về yêu cầu quản lý của mình (Báo cáo quản trị và báo cáo tài chính).

- Tốc độ xử lý tương đối tốt.
- Cho phép kết xuất báo cáo ra Excel.
- Không cần cài đặt phần mềm trên máy chủ hay các phần mềm hỗ trợ khác.
- Dễ dàng truy xuất thông tin.

Nhược điểm của phần mềm kế toán FAST:

- Dung lượng lớn, người dùng khó phân biệt được data.
- Độ bảo mật chưa thực sự ấn tượng.
- Các hướng dẫn đính kèm còn sơ sài, chưa rõ ràng, làm thành từng video

như MISA

*** Phần mềm kế toán 3TSOFT**

- Những điểm đặc biệt mà 3TSoft mang lại cho doanh nghiệp khi ứng dụng

- Quản lý, kiểm soát công nợ theo hạn mức thời gian thanh toán và giá trị cho phép.
- Quản lý, theo dõi hàng tồn kho, đối tượng công nợ, tài sản, công cụ với chi tiết thông tin và hình ảnh cũng như các đặc tính như hạn sử dụng, quản lý theo lô, theo kệ trong kho.
- Tự động sao lưu dữ liệu trong khoảng thời gian bất kỳ do người quản lý kế toán thiết lập.
- Các giải pháp ứng dụng được đề xuất theo góc nhìn của các chuyên gia kế toán, kiểm toán, tài chính, thuế, phân tích hoạt động kinh doanh.
- Hệ thống báo cáo bán hàng đa dạng, phân tích đa chiều đáp ứng đầy đủ thông tin tài chính cho nhà quản lý.
- Tính năng drilldown đa cấp với tùy chỉnh sửa thông tin tại chỗ.
- Hướng dẫn sử dụng chi tiết bằng video kèm theo bộ sản phẩm
- Chi phí đầu tư chỉ bằng lương của nhân viên kế toán trong ½ tháng, chỉ có 30% từ năm thứ 2.
- Sử dụng dễ dàng tới mức không cần kỹ thuật hỗ trợ, đào tạo, chuyển giao ứng dụng.
- Nâng cấp, cập nhật hoàn toàn miễn phí phiên bản mới, thường xuyên điều chỉnh chính sách mới về kế toán, kiểm toán, thuế.
- Chỉ cần thực hiện tính năng Update trên giao diện là toàn bộ những kết quả trên đã được thực hiện.
- Gọn nhẹ, thân thiện, cài đặt đơn giản, dễ sử dụng (*Ngay cả khi người dùng không có nghiệp vụ kế toán*) ..

Theo em công ty nên chọn phần mềm kế toán MISA vì:

- Đáp ứng đầy đủ các nghiệp vụ kế toán gồm: quỹ ngân hàng, mua hàng, bán hàng, quản lý hóa đơn, thuế, kho, TSCĐ, CCDC, tiền lương, giá thành, hợp đồng, ngân sách, tổng hợp.
- Đáp ứng nghiệp vụ quản lý phát hành và sử dụng hóa đơn theo cả ba hình thức : tự in , đặt in, điện tử. Xuất khẩu báo cáo thuế theo định dạng XML, kê khai thuế qua mạng trực tiếp qua MTAX.VN
- Tự thiết kế biểu mẫu chứng từ, báo các linh hoạt theo đặc thù doanh nghiệp.
- Lập kế hoạch thu hồi công nợ, phân tích hiệu quả chiến dịch thu nợ, quản trị công nợ theo loại, hạn nợ.
- Tự động hóa nghiệp vụ quản lý quỹ, quản lý kho và kiểm kê, đối chiếu giữa thủ quỹ, thủ kho với kế toán.

3.2.4.2. Hoàn thiện việc lập dự phòng phải thu khó đòi tại Công ty CP Dịch vụ Tải Thành An Phát

Hiện nay công ty có một số khách hàng quá hạn thanh toán trong khi đó công ty chưa tiến hành trích lập khoản dự phòng phải thu khó đòi. Đây là một bất lợi lớn vì công ty là một doanh nghiệp vận tải với quy mô các khoản phải thu khách hàng là khá lớn, bên cạnh đó để thu hút khách hàng, công ty có chính sách trả chậm nên việc gặp phải rủi ro khi không thu hồi được nợ có khả năng xảy ra rất lớn.

➤ **Phương pháp lập dự phòng:**

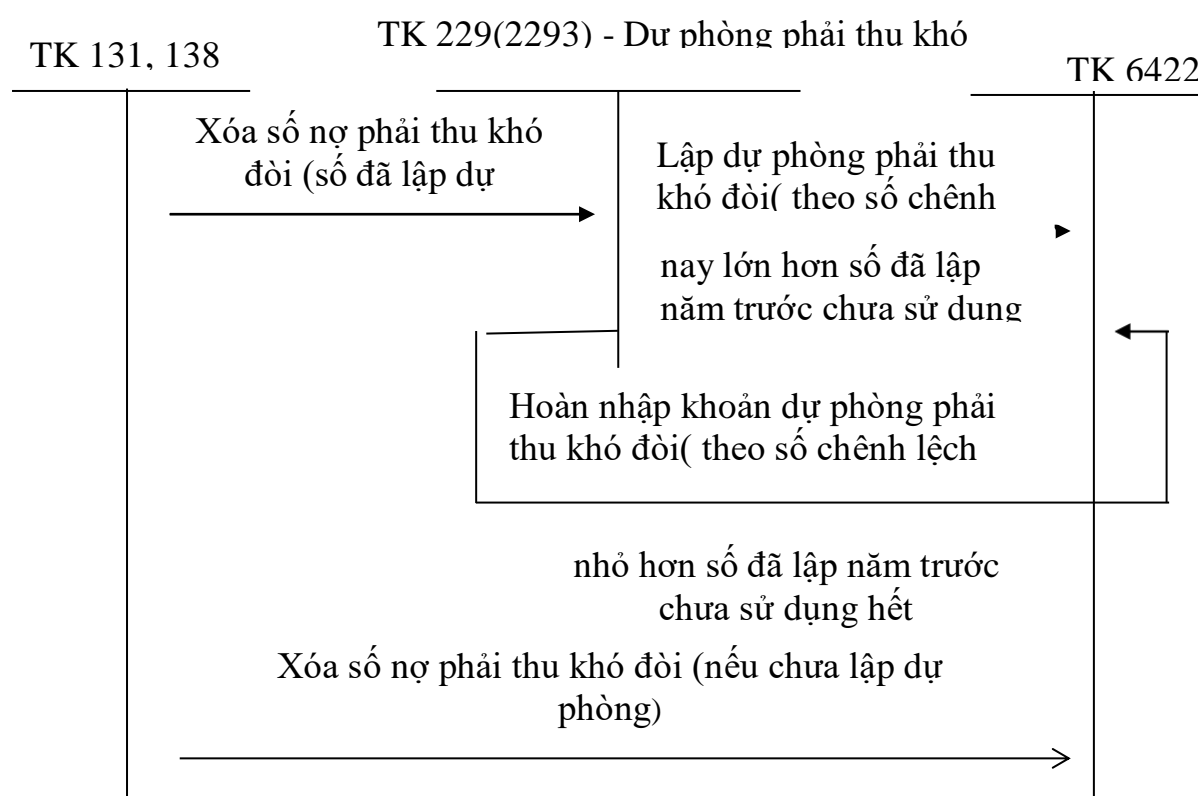
Doanh nghiệp phải dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra hoặc tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ và tiến hành lập dự phòng cho các khoản nợ phải thu khó đòi, kèm theo các chứng từ chứng minh các khoản nợ khó đòi nói trên . Trong đó:

Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán, mức trích lập dự phòng như sau:

Thời gian quá hạn thanh toán	Mức dự phòng trích lập
6 tháng ≤ T ≤ 1 năm	30% giá trị nợ phải thu quá hạn
1 năm ≤ T ≤ 2 năm	50% giá trị nợ phải thu quá hạn
2 năm ≤ T ≤ 3 năm	70% giá trị nợ phải thu quá hạn
T ≥ 3 năm	100% giá trị nợ phải thu quá hạn

Đối với nợ phải thu chưa đến hạn nhưng khách hàng nợ đã rơi vào tình trạng phá sản hoặc làm thủ tục giải thể, bị cơ quan pháp luật truy tố,...thì doanh nghiệp quy định mức tổn thất không thu hồi được để lập dự phòng. Sau khi lập dự phòng cho các khoản nợ phải thu khó đòi, doanh nghiệp tổng hợp toàn bộ phần dự phòng vào bảng kê chi tiết để làm căn cứ hạch toán chi phí QLKD.

Kế toán trích lập phải thu khó đòi được thể hiện qua sơ đồ sau (theo hướng dẫn của Thông tư 133/2016):



Sơ đồ 3.1: Kế toán trích lập phải thu khó đòi

Ví dụ minh họa: Từ bảng kê công nợ (**Biểu số 3.1**) và dựa vào mức trích lập dự phòng theo thông tư 228/2009/TT-BTC kế toán tiến hành trích lập dự phòng phải thu khó đòi (**Biểu số 3.2**) vào ngày 31/12 như sau:

Công Ty CP Dịch Vụ Vận Tải Thành An Phát

ĐC:33b/170/Thiên Lôi/Vịnh Niệm /Lê Chân/ Hải Phòng

BẢNG KÊ CÔNG NỢ

Tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2017

Tên khách hàng	Số tiền nợ	Chưa đến hạn	Đến hạn	Quá hạn	Không đòi được	Ghi chú
Công ty Xây lắp điện và viễn thông	43.700.000		43.700.000			
Công ty TNHH Đại Phát	77.900.000			77.900.000		9 tháng
Công ty Cổ phần Vương Minh Tuấn	60.175.990	60.175.990				
Công ty TNHH VHC Việt Nam	63.689.964			63.689.964		13 tháng 20 ngày
Công ty vận tải Đoàn Xuân	35.425.888			35.425.888		7 tháng
.....						
Tổng cộng	617.319.670	295.235.526	144.600.299	187.615.756		

Biểu 3.1 - Bảng kê công nợ tính đến ngày 31/12/2017

BẢNG KÊ TRÍCH LẬP DỰ PHÒNG PHẢI THU KHÓ ĐÒI

Tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2017

Tên khách hàng	Số tiền Nợ	Thời gian quá hạn thanh toán	Tỷ lệ trích lập	Số cần lập dự phòng
Công ty TNHH Đại Phát	77.900.000	9 tháng	30%	23.370.000
Công ty TNHH VHC Việt Nam	63.689.964	13 tháng 20 ngày	50%	31.844.982
Công ty Vận tải Đoàn Xuân	35.425.888	7 tháng	30%	10.627.766
Tổng cộng	177.015.852			65.842.748

Biểu 3.2 - Bảng kê trích lập dự phòng phải thu khó đòi

Kế toán định khoản:

Nợ TK 6422: 65.842.748

Có TK 2293: 65.842.748

Kế toán lập phiếu kế toán cho nghiệp vụ trên và ghi vào các sổ sách có liên quan.

3.2.4.3. Hoàn thiện công tác luân chuyển chứng từ.

Công ty nên lập sổ giao nhận chứng từ giữa các phòng ban, bộ phận. Mỗi khi luân chuyển chứng từ thì bên giao và nhận chứng từ đều phải ký vào sổ. Nếu xảy ra mất mát chứng từ cũng dễ quy trách nhiệm cho đúng người đúng bộ phận. Việc này giúp quản lý chặt chẽ các chứng từ của công ty hơn nữa cũng nâng cao tinh thần trách nhiệm cho cán bộ đối với việc quản lý chứng từ nói riêng và công việc nói chung.

Quá trình luân chuyển chứng từ giữa các phòng ban, bộ phận của công ty còn chậm trễ, chứng từ dồn lại và được chuyển đến phòng kế toán cùng một thời điểm, điều này gây ứ đọng, tăng khối lượng công việc cho kế toán, dễ gây ra những nhầm lẫn sai sót. Vì vậy công ty nên có những quy định về thời gian luân chuyển chứng từ trong năm hoặc trong một kỳ để việc hạch toán được khoa học, chính xác. Ngoài ra công ty có thể sử dụng mẫu Sổ giao nhận chứng từ như sau:

Biểu số 3.3: Sổ giao nhận chứng từ

SỔ GIAO NHẬN CHỨNG TỪ

Năm.....

STT	Chứng từ		Nội dung trên chứng từ	Số tiền trên chứng từ	Ký tên	
	Số hiệu	Ngày, tháng			Người giao	Người nhận

3.2.4.4. Một số giải pháp khác.

Để nâng cao hiệu quả trong quá trình sản xuất kinh doanh ngoài việc tìm kiếm và mở rộng thị trường thì công ty cũng phải quan tâm đến các vấn đề nhân sự: thường xuyên đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ kiến thức cho cán bộ công nhân viên đặc biệt là trình độ tin học và các chuẩn mực kế toán mới. Thường xuyên kiểm tra sổ sách, đối chiếu số liệu nhằm phát hiện sai sót để chấn chỉnh kịp thời. Phát huy, tận dụng hết khả năng sử dụng máy vi tính mà công ty trang bị nhằm tổng hợp số liệu khoa học, rõ ràng.

Công ty cần tăng cường theo dõi, kiểm tra cán bộ công nhân viên hoàn thành tốt nhiệm vụ của mình và có chính sách khen thưởng với các cá nhân có thành

tích xuất sắc trong công việc. Có chế độ thưởng phạt rõ ràng để khuyến khích tinh thần làm việc.

Bộ phận kế toán nên thường xuyên có những buổi họp để trao đổi, phổ biến kiến thức chuyên môn, cập nhật thông tin kế toán mới để có sự phối hợp nhịp nhàng, ăn ý giữa các nhân viên kế toán, nhằm nâng cao năng suất hoạt động, phù hợp với giai đoạn tăng cường các hoạt động kinh doanh của công ty hiện nay.

KẾT LUẬN

Quá trình tìm hiểu công tác kế toán tại Công ty CP Dịch vụ Tải Thành An Phát, em thấy công ty đã năng động trong việc chuyển đổi cơ chế, không ngừng đáp ứng nhu cầu của khách hàng và chiếm được uy tín trên thị trường. Bên cạnh đó công ty còn có đội ngũ cán bộ lãnh đạo và kế toán đầy năng lực, kinh nghiệm, làm việc với tinh thần trách nhiệm cao, bộ máy kế toán được tổ chức phù hợp với yêu cầu của công tác quản lý và trình độ năng lực của từng cán bộ nhân viên kế toán.

Đề tài: “*Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty CP Dịch vụ Tải Thành An Phát*” đã đề cập được những vấn đề lý luận và thực tiễn cơ bản như sau:

❖ **Về mặt lý luận:** Đưa ra những vấn đề lý luận cơ bản về *công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh* trong doanh nghiệp vừa và nhỏ theo Thông tư 133/2016/TT-BTC của Bộ tài chính.

❖ **Về mặt thực tiễn:**

✓ Phản ánh thực trạng về tổ chức kế toán *doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh* tại Công ty CP Dịch vụ Tải Thành An Phát với số liệu năm 2017.

- Đưa ra một số kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác kế toán *doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh* tại Công ty CP Dịch vụ Tải Thành An Phát . Công ty nên ứng dụng phần mềm kế toán
- Công ty nên trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi
- Công ty nên lập Sổ giao nhận chứng từ

Là một sinh viên thực tập chưa có nhiều kinh nghiệm, trình độ nhận thức còn hạn chế nên trong bài viết của em không tránh khỏi thiếu sót. Em rất mong nhận được ý kiến đóng góp của các thầy cô để bài khóa luận của em được hoàn thiện hơn. Cuối cùng em xin chân thành cảm ơn sự hướng dẫn tận tình của Cô giáo hướng dẫn – **ThS. Đồng Thị Nga**, và các anh chị trong phòng kế toán của Công ty CP Dịch vụ Tải Thành An Phát , cùng toàn thể các thầy cô trong khoa Quản trị kinh doanh và Nhà trường đã tạo điều kiện thuận lợi cho em hoàn thành bài khóa luận này.

Em xin chân thành cảm ơn!

Ngày tháng năm 2018

Sinh viên

Đào Thị Hằng

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ tài chính (2016), *Chế độ kế toán doanh nghiệp vừa và nhỏ quyển 1 Hệ thống tài khoản kế toán*, Nhà xuất bản Tài chính.
2. Bộ tài chính (2016), *Chế độ kế toán doanh nghiệp vừa và nhỏ quyển 2 Báo cáo tài chính, chứng từ, sổ sách kế toán và sơ đồ kế toán*, Nhà xuất bản Tài chính.
3. Công ty CP Dịch vụ Tài Thành An Phát (2017), *Sổ sách kế toán Công ty*.
4. Tài liệu tham khảo khác tại thư viện.